

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trần Thị Nở

**CÁC TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trần Thị Nở

**CÁC TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự
Mã số : 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN TRUNG THÀNH

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả đề cập trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng và chính xác.

Tác giả luận văn

Trần Thị Nở

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI	7
1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người	7
1.2. Các dấu hiệu định khung trong cấu thành tăng nặng của tội giết người.....	8
1.3. Phân biệt tội giết người với một số tội phạm khác	211
1.4. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người	300
1.5. Giai đoạn từ năm 1985 – 1999	311
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC	344
2.1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội giết người và những nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).....	344
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội giết người tại tỉnh Bình Phước	388
CHƯƠNG 3. ĐIỀU KIỆN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI	68
3.1. Điều kiện đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người	68
3.2. Các giải pháp đảm bảo định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với các tội giết người.....	711
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS :	Bộ luật hình sự
CTTP:	Cấu thành tội phạm
HSST:	Hình sự sơ thẩm
HSPT:	Hình sự phúc thẩm
QĐHP:	Quyết định hình phạt
TNHS:	Trách nhiệm hình sự
ADPL:	Áp dụng pháp luật

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình xét xử các tội giết người giai đoạn 2013 – 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử sơ thẩm sơ thẩm các vụ án và bị cáo về tội giết người so với các tội phạm về xâm phạm tính mạng sức mạng giai đoạn 2013 – 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo bị tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử về tội giết người giai đoạn 2013 -2017.

Bảng 2.4: Tổng số vụ án, bị cáo bị tội giết người tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử có kháng cáo, kháng nghị giai đoạn 2013 -2017

Biểu 2.1: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử về tội giết người giai đoạn 2013-2017

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền sống (hay quyền được sống) là quyền cơ bản và quan trọng nhất của con người đã được Hiến Pháp ghi nhận tại điều 19. Tuy nhiên, những năm gần đây tình hình tội phạm ngày càng gia tăng và các vụ án giết người ngày một tinh vi, xảo quyệt hơn gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng gây hoang mang, lo lắng cho người dân.

Có thể nói rằng, trong những năm gần đây tình hình tội phạm giết người do nhiều nguyên nhân có xu hướng gia tăng, có những vụ đặc biệt nghiêm trọng do hành vi người phạm tội thực hiện vô cùng dã man, tàn ác. Hậu quả gây ra nhiều cái chết thương tâm không gì bù đắp, để lại gánh nặng cho xã hội; gia đình và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự và tạo ra tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân.

Việc xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của người khác trong một bộ phận người dân là nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội. Có những vụ án giết người vì những thù tức nhỏ; những tranh chấp không đáng kể; có những vụ án chồng giết vợ vì ghen; hoặc những vụ án giết người hàng loạt (như vụ thảm sát giết hại 06 người tại Bình Phước, thảm án giết hại 04 bà cháu ở Quảng Ninh, vụ 04 người chết thảm trong một gia đình tại Nghệ An hoặc gần đây nhất chính là vợ giết chồng chặt thành nhiều khúc xảy ra tại Bình Dương...) làm cho giá trị đạo đức con người Việt Nam ngày càng giảm sút. Nguy hiểm hơn, kẻ phạm tội còn thực hiện hành vi giết người với hành động vô cùng dã man như chặt đầu, tay, chân... điều đó nói lên việc xem thường tính mạng của người khác. Đã đến lúc cần báo động, đồng thời cần phải có biện pháp phòng, chống kịp thời hành vi nguy hiểm đó nhằm bảo vệ tính mạng của con người, bảo vệ giá trị đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

Trước tình hình, diễn biến các tội giết người xảy ra khá phức tạp như hiện nay thì việc áp dụng pháp luật đúng người, đúng tội và đúng pháp luật về các tội giết người để vừa có tính răn đe, vừa có tính nhân đạo là hết sức cần thiết và được

đặt lên hàng đầu. Chính vì lẽ đó, người viết chọn đề tài: “*Các tội giết người trong luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước*” để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo.

- “Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần chung” (2014), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- “Lý luận chung về định tội danh” (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

-

- “Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần các tội phạm” (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

- “Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự” (2008), PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn, Luật học;

- “Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần các tội phạm”, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội (1997);

- “Một số quan điểm khác nhau về định nghĩa về đối tượng tác động của tội giết người”, Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí Tòa án, số 13/2004;

- “Một số vấn đề lý luận về định tội danh và hướng dẫn phương pháp định tội danh”, Trịnh Quốc Toàn, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

- “Định tội danh- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Lê Cẩm, Tạp chí tòa án nhân dân các số 3,4,5,8,11 năm 1999;

- “Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người” (2000), Trần Văn Luyện, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

- “Tội phạm và cấu thành tội phạm”, Nguyễn Ngọc Hòa, Nxb Tư pháp, Hà Nội, năm 2015;

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: “*Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam*” của tác giả Thái Huy Đức, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

- Luận văn Thạc sỹ Luật học : “*Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*” của tác giả Trần Thị Liên, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

- Luận văn Thạc sỹ Luật học : “*Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” của tác giả Phan Thái Bình, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

- Luận văn Thạc sỹ Luật học : “*Tội giết người qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên*” của tác giả Nguyễn Thúy Quỳnh, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: “*Tội giết người trong luật hình sự Việt Nam*” của tác giả Phạm Văn Vĩ, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

- Luận văn Thạc sỹ: “*Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*” của Phạm Huyền Trang, Viện Hàn lâm Học viện khoa học xã hội.

- Bài viết: “*Một số vấn đề cần lưu ý khi áp dụng tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo điều 125 BLHS năm 2015*” của tác giả TS. Đặng Thu Hiền, Tạp chí Học viện Tư pháp, số 05/2016, tr 68-71.

- Bài viết: “*Bàn về việc áp dụng một số cặp tình tiết định khung quy định tại khoản 2 điều 93 BLHS*” của tác giả ThS. Nguyễn Văn Trọng, Tạp chí Kiểm Sát, số 07 tháng 4/2010, tr 26-31.

- Các tác giả trong các công trình nghiên cứu trên đã phân tích làm rõ đối với tội giết người hoặc các quy định liên quan đến các trường hợp các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Một số tác giả đã tập trung đi sâu phân tích với một số loại tội phạm cụ thể, như tội giết người, các tội xâm phạm sở hữu, tính mạng... Những kết quả của các công trình nghiên cứu này cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả có thể kế thừa trong quá trình nghiên cứu làm đề tài của mình. Ngoài ra còn có không ít các công trình nghiên cứu về tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam tuy nhiên xét dưới góc độ phạm vi nghiên cứu thì quyết định hình phạt và định tội danh đối với tội

giết người ở địa bàn tỉnh Bình Phước cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu.

- Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những tri thức lý luận nền tảng đối với tội giết người, tác giả sẽ vận dụng đi sâu nghiên cứu về quyết định hình phạt và định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước, từ thực tiễn tình hình tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 - 2017, tác giả sẽ đi sâu phân tích làm rõ lý luận về quyết định hình phạt và định tội danh đối với tội giết người. Từ đó, kiến nghị các giải pháp áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự về tội giết người. Đây chính là hướng nghiên cứu của luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội giết người đồng thời kết hợp với thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội này trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm chỉ ra các điểm hợp lý và bất hợp lý trong việc thực hiện những quy định pháp luật hiện hành, từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện pháp luật hình sự cũng như tăng cường hướng dẫn áp dụng đúng pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

- Tập trung nghiên cứu về việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự về tội giết người của tỉnh Bình Phước từ giai đoạn 2013– 2017 của Luật hình sự và tổ tụng hình sự.

- Đưa ra kiến nghị, giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định pháp luật hình sự với tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu của tác giả là *các tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước*. Tuy nhiên, thống kê từ thực tiễn Bình Phước

trong 05 năm qua từ năm 2013 – 2017, đối với các tội giết người: Tội giết con mới đẻ (Điều 94 BLHS 1999), tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 BLHS 1999), tội giết người do vượt quá phòng vệ chính đáng hoặc quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 96 BLHS 1999), Tội giết người trong khi thi hành công vụ (Điều 97 BLHS 1999), tội giết người do vô ý (Điều 98 BLHS) hầu như trong 05 năm qua từ năm 2013 – 2017 hầu như không có vụ án nào nên tác giả tập trung nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật hiện hành đối với tội giết người tại Tòa án tỉnh Bình Phước từ giai đoạn 2013 – 2017 trên cơ sở Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung ngày 19/6/2009 và những văn bản pháp luật có liên quan.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự.
- Về tội danh, đề tài nghiên cứu tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.
- Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu và các bản án thực tế trong giai đoạn từ năm 2013-2017, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.
- Về không gian, đề tài được thực hiện trong phạm vi tỉnh Bình Phước.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

- Phương pháp luận: Chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Nghiên cứu trên cơ sở nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- Luận văn được xây dựng trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã được tiếp thu và sưu tầm, tổng hợp tài liệu có liên quan đến tội giết người, kết hợp với xem xét vụ án trên thực tế tại địa phương để chứng minh và làm rõ vấn đề nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu dựa trên những bản án, quyết định, số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Phương pháp so sánh pháp luật để đối chiếu với các quy định của pháp luật với nhau nhằm tìm ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để đánh giá thực tiễn nhằm rút ra những kết luận tổng quát từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị và giải pháp.

- Phương pháp phỏng vấn, phương pháp tham khảo chuyên gia....

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Sau khi luận văn hoàn thành sẽ góp phần hoàn thiện lý luận về tội giết người trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cho những ai có nhu cầu tìm hiểu thêm về các tội giết người nói chung và cho các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, dưới góc độ áp dụng pháp luật trong việc định tội danh và quyết định hình phạt, đặc biệt là tòa án trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đúng khi xét xử. Luận văn hoàn thành cũng là tài liệu tham khảo hữu ích trong các cơ sở đào tạo luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người

Chương 2: Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội giết người và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Phước

Chương 3. Điều kiện và giải pháp đảm bảo áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về tội giết người

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

1.1.1. Khái niệm tội giết người

Theo điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Tội giết người là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm tính mạng của người khác một cách trái pháp luật*”.

Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt sinh mạng của người khác một cách trái pháp luật. Tội giết người là một trong những tội nguy hiểm nhất trong chương XII của Bộ luật hình sự và có khung hình phạt cao nhất là tử hình.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

Bất kỳ một loại tội phạm nào cũng có CTTTP của nó, CTTTP bao gồm: Khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm. Theo đó, tội giết người có những dấu hiệu pháp lý sau đây:

1.1.2.1. Khách thể của tội giết người

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại bằng cách gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội đó.

Khách thể của tội phạm là yếu tố không tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng Luật hình sự [2, tr.137].

Khách thể của tội giết người là quyền được sống của con người – quyền bất khả xâm phạm về tính mạng được quy định trong Hiến pháp và pháp luật bảo vệ.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội giết người

Mặt khách quan của tội phạm này là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm, bao gồm hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội.

Mặt khách quan của tội giết người thể hiện ở hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, hậu quả chết người, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tước đoạt tính mạng người khác và hậu quả chết người xảy ra. Hành vi này có thể là hành động hoặc không hành động.

1.1.2.3. Chủ thể của tội giết người

Chủ thể của tội giết người là chủ thể thường, nghĩa là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định đều có khả năng trở thành chủ thể của tội giết người. Theo quy định của Bộ luật hình sự, thì người từ đủ 14 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, từ 16 tuổi trở lên thì chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội giết người

Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội. Mặt chủ quan của tội giết người bao gồm lỗi, động cơ, mục đích phạm tội, trong đó lỗi là dấu hiệu bắt buộc. Tội giết người quy định tại Điều 93 BLHS được thực hiện bởi lỗi cố ý trực tiếp với ý thức tước đoạt tính mạng của người khác trái luật nhưng cũng có những trường hợp do lỗi cố ý gián tiếp, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Ở tội giết người, dấu hiệu hành vi tước đoạt tính mạng người khác và dấu hiệu lỗi cố ý là những dấu hiệu đặc trưng cho phép phân biệt tội giết người với những tội phạm khác [13, tr.153].

1.2. Các dấu hiệu định khung trong cấu thành tăng nặng của tội giết người.

1.2.1. Giết nhiều người (Điểm a Khoản 1 Điều 93)

* Giết nhiều người là trường hợp người phạm tội cố ý (trực tiếp hay gián tiếp) giết từ hai người trở lên nên có thể cùng một lần hoặc nhiều lần khác nhau. Nếu người phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thì hậu quả chết người có thể chết nhiều người hoặc chỉ là chết một người nhưng chỉ cần người phạm tội mong muốn giết nhiều người cũng xem là “giết nhiều người”. Tuy nhiên, nếu là lỗi gián tiếp thì hậu quả “chết nhiều người” là dấu hiệu bắt buộc để áp dụng tình tiết này.

Trong lý luận khoa học hình sự đã chỉ rõ tình tiết “giết nhiều người” là một tình tiết định khung và cũng như những tình tiết định khung khác, nếu là tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm của tội phạm tăng lên một cách đáng kể. Vì vậy, chỉ có

thể áp dụng tình tiết “giết nhiều người” khi hành vi phạm tội thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản; tức là chỉ được áp dụng trong trường hợp đã có hậu quả chết người xảy ra.

Trong trường hợp người phạm tội chỉ giết một người do lỗi cố ý, nhưng người khác là chết do vô ý thì người phạm tội sẽ bị xét xử theo khoản 2 Điều này, hậu quả chết người do vô ý sẽ xét xử người phạm tội theo tội danh khác. Ngoài ra, nếu có từ hai người chết trở lên, nhưng chỉ có một người chết do sự cố ý của người phạm tội, những người còn lại chết do người phạm tội giết người trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh, hoặc giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng... thì người phạm tội cũng không bị áp dụng tình tiết “giết nhiều người”, trường hợp này sẽ định nhiều tội.

Ví dụ: Hoàng Minh Đông Sinh năm: 1986 là con ruột của Hoàng Văn Thế và bà Nông Thị Vẻ. Trong cuộc sống thường xuyên có mâu thuẫn do Đông lười biếng lao động, nhiều lần có hành vi chửi mắng, đánh đập và dọa giết chết bố mẹ nên Thế có ý định giết Đông.

Khoảng 00 giờ ngày 02/11/2013, Thế mang một con dao phay dài 44.5cm, lưỡi sắt dài 32 cm, cán bằng cây tầm vông và điều khiển xe Dream biển kiểm soát 93T9-5669 chạy vào chòi rẫy của gia đình tại thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Lúc này Đông đang ngủ cùng bạn là Hoàng Văn Triệu trong chòi. Thế dừng xe cách chòi khoảng 100m đi bộ vào chòi rồi dùng đèn của chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1289 soi để tìm Đông. Phát hiện có người vào chòi nên Đông hỏi “ai vậy?”. Nghe tiếng hỏi và biết vị trí của Đông đang nằm, Thế tắt đèn bỏ điện thoại vào túi quần rồi dùng dao chém nhiều nhát vào vị trí vùng đầu của Đông. Đông và Triệu vùng dậy chạy lao về phía Thế, Thế dùng dao chém liên tục về phía trước trúng vào tay và đùi của Triệu. Đông bỏ chạy cách chòi được 7m thì gục ngã và kêu “Triệu ơi cứu tao”, nghe tiếng kêu nên biết vị trí của Đông thì Thế đi đến dùng đèn chiếu của điện thoại chiếu vào mặt Đông và tiếp tục chém nhiều nhát vào mặt, cổ và bụng của Đông đến khi Đông nằm bất động, biết Đông chết hẳn thì Thế cầm dao ra lấy xe đi về nhà, tắm rồi đi ngủ. Còn Hoàng Văn Triệu chạy ra vườn mỳ cách chòi 43m sau đó gọi điện thoại cho người thân đến đưa đi cấp

cứu. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử và tuyên bị cáo Hoàng Văn Thế 13 năm tù về tội giết người theo điểm “giết nhiều người” và điểm “giết người có tính chất côn đồ”.[39]

1.2.2. Giết phụ nữ mà biết có thai (Điểm b Khoản 1 Điều 93)

Giết phụ nữ mà biết là có thai: là trường hợp nạn nhân bị giết là người đang mang thai và bản thân kẻ giết người khi thực hiện hành vi giết người đã nhận thức được điều đó (không kể nạn nhân có thai bao lâu). Cũng áp dụng tình tiết này nếu người phạm tội tưởng nhầm người phụ nữ đang có thai dù thực tế người này đang không có thai. Ngược lại, nếu giết phụ nữ có thai nhưng người phạm tội không nhận thức được thì không áp dụng tình tiết này.

Trường hợp nạn nhân là người tình hay người mà kẻ phạm tội muốn giết để trốn tránh trách nhiệm thì còn có thể viện dẫn tình tiết “giết người vì động cơ đê hèn”. Giết phụ nữ mà không biết là có thai là dấu hiệu thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội (*Để xác định bị cáo có biết nạn nhân có thai hay không cần căn cứ hoàn cảnh cụ thể mà bị cáo đã phạm tội, mối quan hệ giữa nạn nhân với bị cáo và những tình tiết khác như thời gian, địa điểm phạm tội*). Tình tiết này khác với tình tiết tăng nặng (tại khoản 1 Điều 48) “Người bị hại là phụ nữ có thai”. Đối với tình tiết tăng nặng, chỉ cần nạn nhân là phụ nữ có thai thì có thể áp dụng, không cần biết người phạm tội có dấu hiệu này hay không.

1.2.3. Giết trẻ em (Điểm c Khoản 1 Điều 93)

* Giết trẻ em là trường hợp người phạm tội cố ý tước đoạt tính mạng của trẻ em. Theo quy định của Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 thì trẻ em là người dưới 16 tuổi. Như vậy, những hành vi giết người dưới 16 tuổi, theo quy định của Bộ luật hình sự đều bị coi là tình tiết định khung tăng nặng theo khoản 1 Điều 93, bất kể người phạm tội có nhận thức được điều đó hay không (tình tiết mang tính khách quan).

Khi áp dụng tình tiết này chúng ta cần hết sức chú ý phải xác định tuổi của bị hại theo các tài liệu liên quan đến ngày sinh của bị hại. Trường hợp không có tài liệu để xác định và việc xác minh cũng không chính xác thì áp dụng cách tính tuổi của bị hại theo hướng có lợi cho người phạm tội.

Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10-6-2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ, tại mục 11 phần II, khi không có cơ sở chính xác để xác định tuổi của bị hại theo quy tắc sau:

Nếu chỉ biết được tháng sinh của bị hại thì lấy ngày đầu tiên của tháng đó làm ngày sinh của bị hại.

Nếu chỉ biết được năm sinh của bị hại thì lấy ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của năm đó làm ngày sinh của bị hại.

Xét ở nguyên tắc tố tụng, khi tính tuổi cho bị cáo thì theo hướng có lợi cho bị cáo, cho nên, khi xác định tuổi cho người bị hại cũng phải theo hướng có lợi cho bị cáo. Cách hiểu này tạo ra tính thống nhất về nguyên tắc trong tố tụng hình sự.

Ví dụ: Vợ chồng chị Võ Thị Huyền (26 tuổi, quê ở Nghệ An) và Nhờ (19 tuổi, ngụ Cần Thơ) cùng chung sống trong khu nhà trọ tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức. Do đều làm công nhân, thường ngày, chị Huyền mang con trai 18 tháng Đỗ Nhất Long sang gửi Nhờ trông giữ cùng với con của cô ta (cũng bằng tuổi với cháu Long) và hai đứa trẻ khác trong xóm.

Sáng 16/11/2013, chị đem con sang gửi Nhờ rồi đi làm. Đến giờ ăn, bảo mẫu trẻ lấy cháo cho Long ăn nhưng cậu bé chỉ khóc. Thấy đứa bé không ăn, Nhờ cầm chân tay dộc lên để dọa, nhưng làm đứa bé rớt xuống nền nhà.

Đứa bé càng khóc thét lên, Nhờ không dỗ mà còn đạp thêm vào người Long nhiều cái rồi để mặc. Sau khi cô ta đi vệ sinh quay ra thì cháu bé đã bất động. Lúc này, Nhờ gọi hàng xóm đưa đi cấp cứu nhưng bé trai đã tử vong. Kết quả giám định pháp y xác định bé bị dập phổi, bầm tím máu vùng đáy tim, rách gan...

Vào thời điểm gây án, mặc dù Nhờ chưa đủ 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, song cần áp dụng mức án nghiêm khắc mới đủ tính răn đe. Từ những căn cứ này, tòa tuyên phạt bị cáo 18 năm tù về tội Giết người.

1.2.4. Giết người đang thi hành công vụ hoặc lý do công vụ của nạn nhân (Điểm d Khoản 1 Điều 93)

Giết người đang thi hành công vụ là trường hợp giết người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội khi họ đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cũng coi là giết người đang thi hành công vụ trong

trường hợp nạn nhân là những công dân được huy động làm nhiệm vụ (như tuần tra, canh gác....) theo kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phục vụ lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội hoặc nạn nhân là những công dân tuy không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền huy động nhưng đã tự nguyện tham gia vào việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nạn nhân bị chết phải là đang làm nhiệm vụ và nhiệm vụ đó phải hợp pháp thì tình tiết “giết người đang thi hành công vụ” mới được viện dẫn.

Giết người vì lý do công vụ của nạn nhân là trường hợp giết người mà động cơ của hành vi giết người gắn liền với việc thi hành công vụ của nạn nhân: giết nạn nhân để không cho nạn nhân thi hành công vụ hay giết nạn nhân để trả thù nạn nhân đã thi hành công vụ. Trường hợp này, người phạm tội giết nạn nhân không phải đang thi hành công vụ mà có thể trước hoặc sau khi thi hành công vụ. ví dụ: Cảnh sát bảo vệ trật tự công cộng, cán bộ kiểm lâm đang bảo vệ rừng...

Công vụ ở đây được hiểu là những công việc mà việc thực hiện những công việc đó đòi hỏi người thi hành công vụ phải có những quyền hành nhất định với chính công việc được phân công.

1.2.5. Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo hoặc cô giáo của mình (Điểm đ Khoản 1 Điều 93)

Đây là trường hợp giết người mang tính chất phản trắc, bội bạc, giết người mà người bị giết đáng lẽ người phạm tội phải có nghĩa vụ kính trọng. Việc Bộ luật hình sự coi trọng trường hợp giết ông, bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo hoặc cô giáo của mình là trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự (tình tiết định khung tăng nặng) là xuất phát từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, truyền thống tôn sự trọng đạo.

- Giết ông, bà: có thể là ông, bà nội hay ông, bà ngoại của người phạm tội;
- Giết cha, mẹ: cha, mẹ ruột hay cha, mẹ nuôi, cha, mẹ vợ hay cha, mẹ chồng của người có hành vi phạm tội; người nuôi dưỡng là người có công chăm nuôi, giáo dục và dạy dỗ người phạm tội như cô, chú, cậu, mợ ... nuôi cháu.
- Thầy cô giáo của mình: là những người đã hoặc đang dạy dỗ mình theo quy định của Luật giáo dục năm 2005 và việc giết người đó phải xuất phát từ mối quan

hệ tình thầy trò. Nếu người phạm tội giết thầy, cô vì một động cơ khác ngoài mối quan hệ thầy trò thì không áp dụng tình tiết này.

1.2.6. Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng (Điểm e Khoản 1 Điều 93)

Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác: đây là trường hợp giết người mà liền trước hoặc ngay sau hành vi giết người, kẻ giết người đã phạm thêm một hoặc nhiều tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác. Với việc liên tiếp phạm tội như vậy chứng tỏ kẻ phạm tội là phần tử nguy hiểm, có ý thức phạm tội giết người. Điều đó làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội giết người, cũng như phản ánh khả năng khó cải tạo, giáo dục người phạm tội. Không có văn bản xác định như thế nào là “liền trước” hoặc “liền sau”. Tuy nhiên, theo thực tiễn xét xử, “liền trước” hoặc “liền sau” được xác định là trong khoảng thời gian vài giờ hoặc hai hành vi được thực hiện trong ngày. Nếu thời gian dài hơn thì không áp dụng tình tiết này.

1.2.7. Giết người để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác (Điểm g Khoản 1 Điều 93)

- Giết người để thực hiện tội phạm khác là những trường hợp giết người mà động cơ thúc đẩy người phạm tội có hành vi giết người để thực hiện một tội phạm khác (Ví dụ, muốn trốn khỏi nơi giam nên đã giết người canh gác). Tội phạm khác là bất kỳ tội phạm nào được quy định trong Bộ luật hình sự. Khác với tình tiết “*Giết người mà liền sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” ở chỗ: Thời gian giết người và sau đó phạm tội khác có thể có khoảng thời gian dài nhất định, hành vi giết người có mối quan hệ mật thiết và là tiền đề của “*Tội phạm khác*”.

* Giết người để che giấu một tội phạm khác đã thực hiện nên mới giết người. Vụ án sau đây là một ví dụ: Do cần tiền trả nợ nên Lê Thanh Á đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Biết chị Trần Thị Oanh Yến, sinh năm: 1994, thường trú tại: Xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước là nhân viên bán quán “Cà phê Thảo Sương” do bà Nguyễn Thảo Sương ở cùng thôn làm chủ có sử dụng 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93P1 – 22.054 nên nảy sinh ý định rủ Yến đi

bán dâm rồi tìm cơ hội chiếm đoạt chiếc xe.

Khoảng 16 giờ ngày 07/01/2016, Á đến quán cà phê “Thảo Sương” uống cà phê. Tại đây Á gặp và rủ chị Yến đi mua bán dâm thì chị Yến đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, chị Yến điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93P1 – 22.054 (xe Yến mượn của chị Sương) chở Á đến nhà nghỉ 199 thôn Thôn Đăk Lim, Xã Đăk O do vợ chồng chị Bùi Nguyễn Thanh Thảo và anh Phí Đình Kiên làm chủ, thuê phòng 101 để mua bán dâm. Sau khi mua bán dâm xong, Á và chị Yến đi ra ngoài để về, Á kêu chị Yến quay lại phòng 101 để trả tiền mua dâm. Khi vào phòng, Á chốt cửa lại, đứng đối diện với chị Yến, tay trái giữ vai, tay phải bóp cổ chị Yến. Á dung chân phải gạt chân chị Yến nằm ngã ngửa xuống nền phòng rồi Á ngồi đè lên người chị Yến, dung hai tay tiếp tục bóp cổ chị Yến cho đến khi thấy chị Yến không còn cử động, nghĩ chị Yến đã chết nên Á đứng dậy dung 02 tay xóc nách kéo chị Yến vào nhà vệ sinh và để ngồi tựa trên bồn cầu. Á dung vòi sen xịt nước vào ổ chị Yến, đồng thời dung tay chà lên cổ chị Yến nhằm xóa dấu vân tay của Á thì thấy chị Yến cử động và nấc lên. Á tháo vòi sen dặt sau lưng quần của mình vì sợ để lại dấu vết rồi đi về nền phòng lấy chìa khóa xe đi ra đóng cửa phòng lại, rồi điều khiển xe của chị Yến chạy về nhà anh Nam.

Sau đó bị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố về “tội giết người” theo điểm g khoản 1 điều 93 BLHS và tội “cướp tài sản” theo khoản 1 điều 133 BLHS và bị tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt tổng hợp 02 tội là 15 năm tù.

1.2.8. Giết người để lấy bộ phận cơ thể nạn nhân (Điểm h Khoản 1 Điều 93)

- Do sự phát triển của khoa học – công nghệ trong thời đại hiện nay, một số bộ phận cơ thể con người có thể cấy, ghép, thay thế được như gan, tim, thận, mắt... Do nhu cầu thay thế thì nhiều mà các bộ phận cơ thể để thay thế thì rất hạn chế, một số người có rất nhiều tiền nhưng không thể mua được các bộ phận cơ thể để thay thế, do đó không loại trừ khả năng giết người chỉ để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân. Trong những trường hợp này thường có sự thông đồng với bác sĩ phẫu thuật. Hiện nay, ở nước ta chưa xây ra hành vi này nhưng trên thế giới đã có xảy ra nên Bộ luật hình sự đã dự liệu. Cần xác định rằng, nếu người phạm tội giết người không phải xử lý do để

lấy các bộ phận cơ thể của người đó, song vì quá căm tức nên đã lấy bộ phận cơ thể người đó ném đi hoặc cho thú ăn...thì không áp dụng tình tiết này.

1.2.9. Thực hiện tội phạm một cách man rợ (Điểm i Khoản 1 Điều 93)

- Là trường hợp giết người một cách đặc biệt tàn ác, dã man làm cho nạn nhân đau đớn rất nhiều trước khi chết (giết bằng cách hành hạ, tra tấn cho đến chết...); hoặc gây ra cho người khác sự khủng khiếp, rùng rợn vì căm tức nạn nhân hay nhằm che giấu tội phạm (sau khi giết người chặt rời chân, tay, đầu nạn nhân ra thành từng mảnh và vứt ở những nơi khác nhau). Các hành vi trên người phạm tội thực hiện trước khi phạm tội hoàn thành, tức là trước khi nạn nhân bị chết.

Ví dụ: Vụ án giết người man rợ gây chấn động dư luận nhất trong thời gian qua là vụ chàng sinh viên đại học Ngoại thương Nguyễn Đức Nghĩa (SN 1984, thường trú 112 đường Điện Nước, tổ 7 phường Lãm Hà, Kiến An, TP.Hải Phòng) sát hại dã man người yêu cũ của mình.

Dù đang yêu chị Yến, nhưng Nghĩa vẫn liên lạc với chị Linh (người yêu cũ của Nghĩa). Ngày 3/5/2010, sau khi được chị Yến nhờ trông nhà, Nghĩa điện thoại rủ Linh đến nhà chơi. Đến 21h30, sau khi quan hệ tình dục, thấy chị Linh nghe cuộc điện thoại từ một người bạn, Nghĩa bỗng nổi cơn ghen. Lợi dụng lúc chị Linh đứng soi gương, Nghĩa dùng dao gọt hoa quả đâm một nhát vào lưng chị Linh khiến nạn nhân chết ngay tại chỗ. Sau khi giết chị Linh, Nghĩa cởi bỏ hết quần áo nạn nhân, chặt thi thể thành nhiều phần đem vứt ở trên tầng 13 còn một số bộ phận ném ở thùng rác và ngoài sông rồi bỏ trốn lên TP.Thái Nguyên cho đến khi bị bắt. Với hành vi trên bị cáo Nguyễn Đức Nghĩa bị xử phạt với mức án tử hình về hành vi giết người một cách man rợ và tội “cướp tài sản”.

1.2.10. Giết người bằng cách lợi dụng nghề nghiệp (Điểm k Khoản 1 Điều 93)

Là trường hợp phạm tội bằng cách lợi dụng nghề nghiệp của mình để có thể dễ dàng thực hiện hoặc che giấu hành vi giết người. Ví dụ, bác sĩ lợi dụng nghề nghiệp để giết người là bệnh nhân của mình, bảo vệ bắn chết người khác rồi vu cho là kẻ cướp.

Đây là trường hợp người phạm tội đã sử dụng nghề nghiệp của mình để làm

phương tiện giết người dễ dàng hoặc che giấu tội phạm.

Phải xác định rõ người phạm tội đã lợi dụng nghề nghiệp của mình để giết người thì mới thuộc trường hợp phạm tội này. Nếu người có hành vi giết người bằng phương pháp có tính chất nghề nghiệp nhưng đó không phải là nghề nghiệp của họ mà lại lợi dụng người có nghề nghiệp đó rồi thông qua người này thực hiện ý đồ của mình thì không thuộc trường hợp phạm tội này.

Ví dụ: Bác sĩ Lê thị K đã trải qua năm mối tình nhưng đều không thành công, bạn trai của K người nào cũng “sáng say chiều xỉn”, vì vậy khi cấp cứu các trường hợp tai nạn giao thông do rượu gây ra, K thường có ác cảm nếu có điều kiện thuận lợi K sẽ chích thuốc quá liều để cho nạn nhân ra đi thanh thản.

1.2.11. Giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người (Điểm 1 Khoản 1 Điều 93).

Là trường hợp người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện cũng như những thủ đoạn phạm tội mà những công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội này đặt trong hoàn cảnh cụ thể có khả năng làm chết nhiều người ví như bỏ thuốc độc vào bể nước, mâm cơm tập thể... để giết người mà người phạm tội muốn giết. Hậu quả xảy ra có thể là chết người mà người phạm tội mong muốn nhưng cũng có thể là người khác.

Là trường hợp người phạm tội đã sử dụng những công cụ, phương tiện cũng như những thủ đoạn phạm tội mà những công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội này đặt trong hoàn cảnh cụ thể có khả năng làm chết nhiều người (ví dụ, ném lựu đạn mà người phạm tội muốn giết). Hậu quả xảy ra có thể là chết người mà người phạm tội mong muốn nhưng cũng có thể là người khác.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A kinh doanh cửa hàng thuốc tây và Bà Trần Thị B ở gần nhà nhau, tuy nhiên, hai gia đình có xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau lớn tiếng, sau đó cũng đã được nhiều người can ngăn và hòa giải, nhưng ông A vẫn không tha mãn và tìm cách trả thù, lợi dụng nhà bà B đi chợ làm không có người ở nhà, ông A lên vào sau nhà của bà B bỏ thuốc trừ sâu xuống giếng nhà bà A nhằm hạ độc đối thủ cho hả giận, chiều gia đình bà B đi làm và sử dụng nguồn nước mà ông B đã bỏ thuốc trừ sâu để sinh hoạt gia đình và dùng nguồn nước nấu ăn thì gia đình bà B

ngộ độc phải đưa đi bệnh viện cấp cứu, cơ quan điều tra đã xác định được ông A bỏ thuốc độc vào giếng nhà bà B.

1.2.12. Thuê giết người hoặc giết người thuê (Điểm m Khoản 1 Điều 93)

* Thuê người giết: là trường hợp người phạm tội trả cho người khác một khoản tiền hay lợi ích vật chất khác để người này giết người mà người phạm tội mong muốn .

* Giết người thuê: là trường hợp người phạm tội nhận tiền hoặc một khoản tiền lợi ích vật chất khác để giết người theo ý muốn của người khác này.

Trước đây, những hành vi phạm tội thuê giết người hoặc giết người thuê bị coi là phạm tội có động cơ đê hèn, nhưng nay, Bộ luật hình sự 1999 quy định hành vi này nên chúng ta không coi trường hợp này là giết người có động cơ đê hèn nữa mà chỉ là trường hợp thuê giết người và giết người thuê.

Thông thường, thuê giết người hoặc giết người thuê được xem là trường hợp giết người có tổ chức. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, hành vi này chỉ xem là đồng phạm bình thường.

Ví dụ: Bà Dương Thị Lan nghi ngờ ông Dương Văn Lường có tính trăng hoa và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà Lan đã thuê băng nhóm xã hội đen giết ông Lường và nhân tình với giá là 30 triệu đồng.

Trong trường hợp phạm tội giết người vì một lý do ôn nghĩa hay sự chỉ đạo của người khác thì không thuộc tội này.

Thông thường, thuê giết người hoặc giết người thuê được xem là trường hợp giết người có tổ chức. Tuy nhiên trong một số trường hợp hành vi này chỉ được xem là đồng phạm.

1.2.13. Giết người có tính chất côn đồ (Điểm n Khoản 1 Điều 93)

- Là trường hợp phạm tội mà tất cả các tình tiết của vụ án thể hiện người phạm tội là người có tính hung hãn cao độ, rất coi thường tính mạng của người khác mà sẵn sàng giết người vì những nguyên do nhỏ nhặt.

Ví dụ một vụ án mang tính chất côn đồ: Khoảng 15 giờ ngày 15/12/2016 Nguyễn Văn Phương, Trần Phước Toàn (Tý gù), Nguyễn Thanh Tuấn (Cô), Nguyễn Văn Toàn (Tý khản) ngồi uống rượu và hát karaoke ở nhà của Phương tại ấp Thanh

Hà, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Toàn điều khiển xe mô tô đi đón con thì gặp bị hại là Tô Văn Tân, Toàn rủ Tân đến nhà Phương cùng uống rượu thì Tân đồng ý. Khi đến nhà Phương thì Tân ngồi gần Toàn, trong lúc uống rượu giữa Toàn và Tân xảy ra mâu thuẫn, Toàn cầm ca nước đá bằng nhựa đánh một cái trúng mặt của Tân làm ca nước vỡ thành nhiều mảnh. Thấy vậy, Toàn và Phương can ngăn đẩy Toàn ra phía ngoài sân, còn Tân đi ra cửa sau vòng lên bên hông nhà rồi đi ra đường phía trước nhà Phương. Lúc này, Toàn nhặt một cục gạch ở sân thì Phương giật cục gạch trên tay của Toàn vứt đi, Toàn chạy bộ đuổi theo Tân đập một cái trúng hông của Tân làm Tân ngã xuống con mương sát đường, rồi Toàn và Tân ôm vật nhau dưới mương. Thấy vậy, Toàn chạy đến can Toàn và Tân ra nhưng Tân và Toàn không buông nhau ra, nên Toàn dùng chân đạp vào hông của Tân và Toàn. Lúc này, Phương và Tuấn cũng chạy đến can ngăn, Phương đẩy Tân đi ra đường theo hướng đi về nhà của Tân, Tuấn và Toàn đẩy Toàn đi đến chỗ để xe mô tô biển kiểm soát 60H3 – 9706 của Toàn. Do sợ Toàn lấy xe đuổi theo Tân nên Phương cất giữ chìa khóa xe không cho Toàn đi. Khi thấy Tân đã đi khuất thì Phương đưa chìa khóa xe cho Toàn, Toàn nổ máy xe chạy đi theo hướng của Tân, còn Phương, Tuấn và Toàn đi vào nhà của Phương. Khi Toàn điều khiển xe đi đến phía trước nhà ông Đoàn Văn Cỏ thấy Tân đang đi bộ phía trước. Toàn dùng xe bẻ một khúc cây (dài 106 cm, đường kính 3,5 cm, chu vi 10,5 cm) ở ven đường chạy đến, đánh một cái từ sau tới trúng phía sau đầu của Tân làm khúc cây gãy làm đôi và Tân ngã xuống đường. Toàn tiếp tục cầm khúc cây còn lại đánh nhiều cái trúng đầu, vai, tay của Tân làm khúc cây gãy thành 03 đoạn dẫn đến tử vong. Với hành vi côn đồ của Trần Phước Toàn trên. Viện kiểm sát truy tố theo điểm n khoản 1 điều 93 Bộ luật hình sự 1999 và tòa tuyên bị cáo Trần Phước Toàn với mức án là 18 năm tù với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Việc xác định trường hợp giết người có tính chất côn đồ hay không không phải bao giờ cũng dễ dàng như những trường hợp khác được quy định tại khoản 1 điều 93 BLHS. Thực tế công tác xét xử không ít trường hợp giết người không thuộc các trường hợp khác quy định trong điều luật này thì Tòa án thường xác định việc giết người có tính chất côn đồ để áp dụng khoản 1 điều 93 BLHS. Trong công tác

xét xử, nhiều bản án đã bị kháng nghị theo trình tự Giám đốc thẩm hoặc toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao sửa bản án sơ thẩm chỉ vì xác định không đúng tình tiết này. Đây cũng là vấn đề còn nhiều vướng mắc và phức tạp, đồng thời có nhiều ý kiến khác nhau. Việc tổng hợp kinh nghiệm xét xử về vấn đề này chưa đáp ứng tình trạng tội phạm xảy ra; vì thế ảnh hưởng không nhỏ đến việc áp dụng pháp luật.

Do đó cần xác định trường hợp giết người có tính chất côn đồ là phải có quan điểm xem xét toàn diện, tránh xem xét một cách phiến diện như chỉ quan tâm nhấn mạnh nhân thân người phạm tội hoặc chỉ nhấn mạnh đến địa điểm gây án, hay chỉ nhấn mạnh đến hành vi cụ thể gây ra cái chết cho nạn nhân, thái độ của người phạm tội khi gây án, nguyên nhân nào là nguyên nhân dẫn đến việc người phạm tội giết người.

1.2.14. Giết người có tổ chức (Điểm o Khoản 1 Điều 93)

Là trường hợp đồng phạm giết người một cách chặt chẽ, ở hình thức có tổ chức, có sự sắp xếp, bàn bạc, thoả thuận trước về việc giết người.

Phạm tội có tổ chức: là trường hợp có từ hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm và đòi hỏi phải có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Khi đã xác định được trường hợp cụ thể đó là phạm tội có tổ chức, thì phải áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với tất cả những người có cùng thực hiện tội phạm (người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức). Mức độ tăng nặng phụ thuộc vào quy mô tổ chức, vai trò của từng người trong vụ án.

Giết người có tổ chức: là trường hợp nhiều người cùng tham gia vào một vụ giết người, có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện việc giết người, có sự phân công, có kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc giết người. Nếu nhiều người cùng tham gia vào một vụ án giết người, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ mà chỉ có sự đồng tình thì không thuộc tội này.

1.2.15. Giết người thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (Điểm p Khoản 1 Điều 93)

Là những trường hợp phạm tội giết người mà người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích hoặc đã tái phạm, chưa được xoá án tích.

Tái phạm là những trường hợp được quy định tại *khoản 1 Điều 49 BLHS*: Tái phạm là những trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

Tái phạm nguy hiểm là những trường hợp được quy định tại *khoản 2 Điều 49 BLHS*:

a. *Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa đạt được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;*

b. *Đã tái phạm, chưa xoá được án tích mà lại phạm tội do cố ý.*

Giết người thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm: là trường hợp trước khi giết người, người phạm tội đã *bị kết án* về tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích hoặc tái phạm, ví dụ như trường hợp A bị kết án 12 năm tù về *tội cướp tài sản theo khoản 4 điều 133 BLHS*. Khi ra tù chưa được xoá án tích thì phạm tội giết người.

1.2.16. Giết người vì động cơ đê hèn (Điểm q Khoản 1 Điều 93)

Là những trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm tội đã làm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên một cách đáng kể so với những trường hợp bình thường khác. Qua tổng kết công tác xét xử, những hành vi giết người vì động cơ sau đây sẽ bị xem là động cơ đê hèn:

- * Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc chồng khác
- * Giết vợ hoặc chồng để lấy chồng hoặc vợ nạn nhân
- * Giết người tình mà biết là có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm
- * Giết chủ nợ để trốn nợ
- * Giết người để cướp tài sản
- * Giết ân nhân của mình

Phạm tội vì động cơ đê hèn là phạm tội với động cơ đê tiện, thấp hèn, ích kỷ, thể hiện sự bội bạc, phản trắc, hèn nhát.

+ Những trường hợp giết người không thuộc khoản 1 thì sẽ rơi vào khoản 2 điều 93 và có thể bị phạt tù từ 7 đến 15 năm.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 đến 5 năm.

Trên đây là các trường hợp giết người qui định tại khoản 1 Điều 93 BLHS. Nếu người phạm tội có hành vi không thuộc những trường hợp tại khoản 1 Điều 93 thì sẽ phạm tội tại khoản 2 Điều 93. Ngoài ra, còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 93 BLHS.

1.3. Phân biệt tội giết người với một số tội phạm khác

1.3.1. Phân biệt tội giết người theo quy định tại Điều 93 với tội giết con mới đẻ theo quy định tại Điều 94 Bộ luật hình sự.

Theo khoản 4 điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 (điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về tội giết con mới đẻ như sau: *"Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm."* Trong bộ Luật Hình Sự năm 1985 cũng như Bộ luật Hình sự năm 1999 không quy định cụ thể, kèm theo bộ luật có Nghị quyết số 04-HĐPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn là con mới đẻ được tính là từ 07 ngày tuổi kể từ ngày mới sinh. Tuy nhiên, tại Điều 124 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định về Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ và đây cũng là điểm mới của bộ luật với nội dung cụ thể như sau:

"1. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm."

Trong bộ luật hình sự 2015 được quy định cụ thể, chi tiết hơn như thế nào là con mới đẻ.

- Dấu hiệu pháp lý

Tội giết con mới đẻ là trường hợp đặc biệt của tội giết người. Do vậy tội này có những dấu hiệu pháp lý chung của tội giết người (khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng; lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc...) và những dấu hiệu pháp lý riêng đó là:

- Chủ thể của hành vi giết người phải là người mẹ đang còn trong trạng thái mới sinh con nghĩa là còn đang trong trạng thái tâm, sinh lý không bình thường do tác động của việc sinh con. Xác định trạng thái này ở từng trường hợp cụ thể không đơn giản. Do vậy, các hướng dẫn, giải thích của cơ quan có trách nhiệm về điểm này đều quy định khoảng thời gian mà người mẹ được coi còn trong trạng thái mới sinh con là khoảng thời gian từ khi sinh con đến ngày thứ bảy.

- Nạn nhân của hành vi giết người phải là con mới sinh (trong vòng 7 ngày tuổi) của người phạm tội.

- Việc giết con là do hoàn cảnh bất đắc dĩ (do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc do hoàn cảnh khách quan đặc biệt khác).

- Hành vi phạm tội của tội này gồm hai dạng:

+ Giết con mới đẻ: Dạng hành vi phạm tội này không có gì đặc biệt so với hành vi phạm tội của tội giết người (trừ các dấu hiệu nêu trên).

+ Vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết: Ở dạng hành vi phạm tội này, tội giết con mới đẻ đòi hỏi phải có hậu quả chết người và lỗi người phạm tội là lỗi cố ý gián tiếp.

Theo đó, tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ được hiểu là trường hợp phạm tội của người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi hoặc vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết. Nạn nhân của tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là đứa trẻ do người mẹ sinh ra trong vòng 07 ngày tuổi. Kể từ ngày thứ 8 trở đi thì đứa trẻ đó không được coi là con mới đẻ nữa.

Hành vi khách quan là người mẹ thực hiện hành vi giết (bóp cổ, bỏ đói cho đến chết,...) hoặc hành vi vứt bỏ (bỏ vào rừng sâu không có ai qua lại, nhà hoang, thùng rác và đậy nắp,...) dẫn tới đứa trẻ không được ai phát hiện, cứu và bị chết.

Hậu quả của hành vi là đứa trẻ bị giết hoặc bị vứt bỏ dẫn đến chết. Lỗi của chủ thể là người mẹ thực hiện hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ với lỗi cố ý.

Qua đó có thể thấy, tính nhân văn trong việc xử lý loại tội phạm này là chủ yếu nhằm giáo dục để người mẹ thấy trách nhiệm của mình đối với đứa con do mình đẻ ra, chống lại tư tưởng lạc hậu, định kiến, sai trái.

- Hình phạt

Trường hợp giết người trên đây được coi là trường hợp có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt vì hành vi giết người là do hoàn cảnh đặc biệt đưa lại và hơn nữa người phạm tội đã thực hiện trong tình trạng tâm sinh lý không bình thường, khả năng nhận thức và kiềm chế đều bị hạn chế. Do vậy hình phạt được quy định cho tội này chỉ có một khung hình phạt ở mức nhẹ: Cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

1.3.2. Phân biệt tội giết người quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 95 Bộ luật hình sự (Bộ luật hình sự 1999), (Điều 123 và Điều 125 của Bộ luật hình sự 2015).

Điều 95 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh như sau: "*1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. 2. Giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm*".

Dấu hiệu cấu thành tội phạm:

Trạng thái tinh thần của người phạm tội bị kích động mạnh khi thực hiện hành vi giết người: Người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Lúc đó họ mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái tinh thần của họ gần như người điên (người mất trí). Trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước.

Trường hợp người phạm tội có bị kích động về tinh thần nhưng chưa tới mức mất khả năng tự chủ thì không gọi là bị kích động mạnh và không thuộc trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Tuy nhiên họ được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, việc xác định trạng thái tinh thần của một người có bị kích động mạnh hay không là rất khó, bởi vì mỗi người có một trạng thái tâm lý khác nhau, cùng một sự việc nhưng người này xử sự khác người kia, có người tức giận nổi điên lên nhưng cũng có người bình tĩnh, thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Ví dụ : A và B đang uống rượu cùng nhau thì có một thanh niên bàn bên cạnh chạy lại khiêu khích, văng tục chửi A và B. Anh A tức giận liền đứng dậy đánh cho thanh niên kia một trận, tuy nhiên anh B thì chỉ cười và cho qua, anh B kéo anh A ra chỗ khác để tránh trường hợp xô xát. Vì vậy, không thể có sẵn một chuẩn mực để đo trạng thái kích động mạnh hay chưa mạnh về tinh thần của con người mà phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, xem xét một cách toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội, quá trình diễn biến của sự việc, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, hoạt động xã hội, điều kiện sống, tính tình, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình, quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân v.v... từ đó xác định mức độ bị kích động về tinh thần có mạnh hay không, mạnh tới mức nào?

Đối với người bị giết phải là người có hành vi phạm tội nghiêm trọng: Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân, trước hết bao gồm nhưng hành vi vi phạm pháp luật hình sự xâm phạm đến lợi ích của người phạm tội hoặc đối với những người thân thích của người phạm tội. Thông thường những hành vi trái pháp luật của nạn nhân xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người phạm tội và những người thân thích của người phạm tội nhưng cũng có một số trường hợp xâm phạm đến tài sản của người phạm tội như: đập phá tài sản, đốt cháy, cướp giết, trộm cắp v.v...

Việc xác định một hành vi trái pháp luật của nạn nhân đã tới mức nghiêm trọng hay chưa cũng phải đánh giá một cách toàn diện. Có hành vi chỉ xảy ra một lần đã là nghiêm trọng, nhưng cũng có hành vi nếu chỉ xảy ra một lần thì chưa nghiêm trọng, nhưng nó được lặp đi lặp lại nhiều lần thì lại thành nghiêm trọng.

Nạn nhân phải bị chết thì người thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của nạn nhân mới cấu thành tội "Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh".

Như vậy, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không có giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, vì không thể xác định được mục đích của người phạm tội khi người đó trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà chỉ có thể xác định người phạm tội bỏ mặc cho hậu quả xảy ra.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là nguyên nhân dẫn tới trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội:

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với tinh thần bị kích động mạnh là mối quan hệ tất yếu nội tại có cái này thì ắt có cái kia. Không có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân thì không có tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội và vì thế nếu người phạm tội không bị kích động bởi hành vi trái pháp luật của người khác thì không thuộc trường hợp phạm tội này.

Hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây ra cho người thân thích của người phạm tội:

Những người thân thích là những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân như: vợ đối với chồng; cha mẹ với con cái; anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ đối với nhau; ông bà nội ngoại đối với các cháu v.v...

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử Toà án cũng đã công nhận một số trường hợp tuy không phải là quan hệ huyết thống hay hôn nhân mà chỉ là quan hệ thân thuộc như anh em ruột.

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (TTBKĐM) được tách ra từ khối 3 điều 101 BLHS 1985, quy định thành một tội phạm độc lập, trong điều 95 BLHS 1999, trong BLHS năm 2015 được quy định tại điều 125. Khoản 1 điều 125. Về cơ bản có thể cho thấy, so với khoản 1 điều 95 BLHS thì tội phạm này không có gì thay đổi, tuy nhiên việc áp dụng tội phạm này cho đến nay gặp nhiều khó khăn. Vì trong BLHS năm 1985 và BLHS 1999 và đến nay là BLHS 2015 chưa có văn bản nào hướng dẫn áp dụng tội phạm này.

1.3.3. Phân biệt tội giết người quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự với tội

giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội.

1. Theo Điều 15 Bộ luật Hình sự 1999: “1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự”. Điều 96 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tội Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như sau: “1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm; 2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt tù từ hai năm đến 5 năm”.

Trong trường hợp tội phạm này, nạn nhân là người có hành vi tấn công, xâm hại lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Hành vi giết người là việc "chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại" dẫn đến hậu quả chết người.

Ví dụ, do va chạm giao thông, một thanh niên dùng gậy tấn công người đi đường và người này đã chống trả để tự vệ. Tuy nhiên sau khi quật ngã, không chế được đối thủ khiến không thể gây nguy hiểm được nữa, người này vẫn tiếp tục hành hung khiến họ tử vong thì phải chịu trách nhiệm về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội Vô ý làm chết người như sau:

- “1. Người nào vô ý làm chết người thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm.
2. Phạm tội làm chết nhiều người thì bị phạt tù từ ba năm đến 10 năm”.

Theo quy định vừa trích dẫn, hành vi vô ý làm chết người là trường hợp

người phạm tội tuy thấy hành vi của mình có thể gây ra hậu quả chết người, nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được. Cũng có khi người phạm tội không thấy hành vi của mình có thể gây ra hậu quả chết người, mặc dù phải thấy trước hậu quả. Hành vi có thể được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.

Ví dụ, việc trêu đùa, đẩy một người bạn xuống nước nhưng không ngờ người đó chết đuối vì không biết bơi hoặc do cầu thả trong việc cưa hoặc chặt cây khiến cây đổ vào người khác...

Theo những căn cứ vừa trích dẫn, tội vô ý làm chết người và giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng khác nhau cơ bản ở hành vi khách quan và lỗi của người phạm tội.

Với tội vô ý làm chết người, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội do lỗi vô ý, dẫn đến hậu quả làm chết người. Còn với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, người phạm tội với lỗi cố ý khi thực hiện hành vi phòng vệ mà hành vi này rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là chết người.

1.3.4. Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn tới hậu quả chết người theo BLHS 2015

Tội giết người (Điều 123) và Tội cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người (Điều 134) quy định trong BLHS năm 2015 trong thực tiễn việc xác định hai tội danh này rất mong manh và tồn tại nhiều ý kiến, quan điểm và cách giải quyết khác nhau, vì vậy việc phân tích đánh giá các vấn đề cần làm rõ trong hai tội phạm này là rất cần thiết. Qua thực tiễn nghiên cứu giải quyết hai tội này cũng như các quy định của pháp luật hiện hành có thể xác định một số nội dung sau đây để nhằm phân biệt hai tội danh này bao gồm:

+ Xác định mục đích hành vi phạm tội: Trong vụ án có đồng phạm, nếu chứng minh được ý thức chủ quan của người chủ mưu là chỉ thuê người khác gây thương tích cho người bị hại mà không có ý định tước đoạt tính mạng của họ (người chủ mưu chỉ yêu cầu gây thương tích ở chân, tay của người bị hại mà không yêu cầu

tấn công vào các phần trọng yếu của cơ thể có khả năng dẫn đến chết người); người thực hành cũng đã thực hiện theo đúng yêu cầu của người chủ mưu; việc nạn nhân bị chết nằm ngoài ý thức chủ quan của người chủ mưu thì người chủ mưu phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết định khung là “*gây thương tích dẫn đến chết người*”. Còn nếu chứng minh được ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi phạm tội là tước đoạt tính mạng của người khác thì phạm tội giết người.

+ Xác định mức độ tấn công, cường độ tấn công: Theo Từ điển Tiếng Việt thì “*Mức độ là tiêu chuẩn để xác định cho hành động; cường độ là độ mạnh của lực*”, việc xác định mức độ tấn công, cường độ tấn công nhằm phân biệt hai tội danh này là rất quan trọng. Ví dụ: Nguyễn Văn A sinh năm 1991 và Trần Thành L sinh năm 1987, cùng cư trú tại khu phố 2, phường 4, Quận K, thành phố N, giữa hai người có xảy ra mâu thuẫn, ngày 27/9/2017 khi gặp nhau tại quán café KN giữa hai đã có xô xát, Nguyễn Văn A đã đấm Trần Thành L ngã xuống nền, mặc dù được mọi người can ngăn nhưng A đã xô những người ngăn cản và nói “*Nếu ai còn tiếp tục can thì sẽ đánh người đó?*” A tiếp tục tấn dùng chân đá 03 phát vào đầu L, mọi người tiếp tục can ngăn nhưng A vẫn lao vào đánh L và đá liên tiếp vào bụng L cho đến khi bất tỉnh, sau đó L đã chết trên đường đi cấp cứu.

Trong tình huống trên rõ ràng các hành vi của A có mức độ tấn công liên tục, cường độ tấn công mạnh, tuy mọi người can ngăn nhưng A vẫn tấn công điều này thể hiện được hành vi của Nguyễn Văn A là hành vi giết người. Như vậy, việc căn cứ vào mức độ tấn công nhanh hay chậm, cường độ tấn công mạnh hay yếu để nhằm xác định đâu là hành vi phạm tội giết người và hành vi cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người là dấu hiệu quan trọng để nhằm phân biệt hai tội danh này.

+ Xác định vị trí tác động: Để nhằm phân biệt hai loại tội phạm này trong thực tiễn cần căn cứ vào vị trí tấn công trên cơ thể, có thể xác định các vị trí như vùng đầu, vùng ngực, bụng....đây được xem là những vị trí trọng yếu trên cơ thể. Ngoài ra khi xác định các vị trí trọng yếu của cơ thể con người cần kết hợp với việc xác định các yếu tố khác như cường độ tấn công, mức độ tấn công, hung khí sử

dụng....

+ Xác định hung khí, vũ khí sử dụng hoặc các tác nhân khác: Việc xác định vũ khí, hung khí tấn công như súng, dao, gậy...cũng là yếu tố quan trọng nhằm phân biệt hai tội này.

+ Xác định yếu tố lỗi: Lỗi của người thực hiện hành vi: Lỗi là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra.

- Trong trường hợp phạm tội giết người, người thực hiện hành vi có lỗi cố ý đối với hậu quả chết người. Nghĩa là họ nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra và mong muốn hậu quả đó xảy ra hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc hậu quả đó xảy ra. Sự hình thành ý thức của người có hành vi giết người có thể được biểu hiện theo một trong ba dạng sau:

- Trước khi thực hiện hành vi nguy hiểm đến tính mạng người khác, người phạm tội thấy trước được hậu quả chết người tất yếu xảy ra và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra. Biểu hiện ý thức này ra bên ngoài thường được biểu hiện bằng những hành vi như: chuẩn bị hung khí (phương tiện), điều tra theo dõi mọi hoạt động của người định giết, chuẩn bị những điều kiện, thủ đoạn để che giấu tội phạm...

- Trước khi có hành vi nguy hiểm đến tính mạng người khác, người phạm tội chỉ nhận thức được hậu quả chết người có thể xảy ra chứ không chắc chắn nhất định xảy ra vì người phạm tội chưa tin vào hành vi của mình nhất định sẽ gây ra hậu quả chết người. Bản thân người phạm tội cũng rất mong muốn cho hậu quả xảy ra, nhưng họ lại không tin một cách chắc chắn rằng hậu quả ắt xảy ra.

- Trước khi thực hiện hành vi nguy hiểm đến tính mạng của người khác, người phạm tội cũng chỉ thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra tuy không mong muốn hậu quả chết người xảy ra, nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra, hậu quả xảy ra người phạm tội cũng chấp nhận.

- Trong trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, người thực hiện hành vi có lỗi vô ý đối với hậu quả chết người xảy ra. Nghĩa là họ thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả chết người, nhưng cho rằng hậu quả

đó sẽ không xảy ra, có thể ngăn ngừa được hoặc họ không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả chết người, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó. Đây là trường hợp người phạm tội chỉ cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của nạn nhân, nhưng chẳng may nạn nhân bị chết, cái chết của nạn nhân là ngoài ý muốn của người phạm tội. Hậu quả chết người xảy ra là vì những thương tích do hành vi của người phạm tội gây ra.

+ Điểm khác nhau cơ bản là trong trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác là người phạm tội chỉ mong muốn hoặc bỏ mặc cho hậu quả gây thương tích xảy ra. Còn trường hợp phạm tội giết người chưa đạt là người phạm tội mong muốn hậu quả xảy ra, hậu quả chết người không xảy ra là ngoài ý muốn của họ.

Ngoài ra, cần phân biệt trường hợp người phạm tội nhận thức được hành vi của mình có khả năng làm chết người mà vẫn có ý thức bỏ mặc cho hậu quả xảy ra muốn sao cũng được, nếu hậu quả là gây thương tích thì định tội cố ý gây thương tích, nếu hậu quả là chết người thì người phạm tội phạm vào tội giết người.

Việc đánh giá, phân tích và nghiên cứu các quy định của pháp luật nhằm phân biệt hai tội danh này nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác phòng, chống tội phạm ở nước ta.

1.4. Sơ lược quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người trước năm 1985

Lịch sử các quy định về tội giết người trong Pháp luật hình sự Việt Nam bắt nguồn từ hình thành và phát triển các quy phạm Pháp luật hình sự về tội giết người với nhiều tình tiết khác nhau, gắn liền với sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật ở nước ta từ thời phong kiến cho đến sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 đã trải qua các giai đoạn sau:

- *Giai đoạn phong kiến*

Trải qua các thời kỳ phát triển của lịch sử, tội giết người trong thời đại phong kiến được quy định thành những tội cụ thể trong tất cả các Bộ Luật Lý, Trần, Lê, Nguyễn, mà rõ nét nhất là Bộ luật Hồng Đức nhà Lê hay còn gọi là “Quốc triều hình luật”.

Các tội được quy định khá rõ trong chương “Đấu tụng” (đánh nhau kiện cáo). Chương này gồm 30 điều, từ 456 đến điều 499. Nhìn chung, trong “Quốc triều hình luật” quy định chung, không mang tính chất hành vi cụ thể như các Bộ Luật sau này, về dấu hiệu cấu thành tội phạm còn nhiều lẫn lộn, không phân biệt rõ ràng (như giữa tội giết người và tội cố ý gây thương tích). Mặc dù vậy, Bộ luật này đánh dấu sự tiến bộ trong việc xây dựng hệ thống pháp luật trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam lúc bấy giờ nhằm nghiêm trị kẻ phạm tội.

- *Giai đoạn 1945 – 1985*

Đây là giai đoạn đất nước ta trong giai đoạn chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và cả nước tiến lên xây dựng XHCN.

Đầu tiên là Sắc lệnh số 47/ST ngày 10/10/1945 do Bác Hồ ký, cho phép áp dụng số văn bản pháp luật của phong kiến, của đế quốc mà không trái với nguyên tắc độc lập của Nước Việt Nam dân chủ Cộng Hoà. Sắc lệnh số 27/ST ngày 28/02/1946 về việc truy tố tội bắt cóc tổng tiền và ám sát. Thông tư số 442/TTg ngày 19/01/1955 về việc xử lý một số tội phạm như đánh bị thương, cố ý giết người được thể hiện trong điều 4 của thông tư này.

Năm 1955, do bối cảnh lịch sử và tình hình xã hội lúc bấy giờ nên Bộ Tư pháp đã có Thông tư số 19/VHH – HS ngày 30/06/1955 yêu cầu Toà án không áp dụng luật lệ phong kiến vào việc định tội, từ đó đã cho ra đời hàng loạt văn bản mới như:

- Thông tư 24/TANDTC ngày 25/11/1974 về việc xét xử các tội cố ý giết người;

- Sắc lệnh số 03/ST – 76 ngày 15/03/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời quy định các tội phạm và hình phạt, đồng thời ban hành thông tư hướng dẫn các tội xâm phạm thân thể, nhân phẩm của công dân như: Cố ý giết người, cố ý gây thương tích ...

1.5 Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người trong giai đoạn từ năm 1985 – 1999

Năm 1985 là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu sự ra đời của Bộ Luật Hình sự (BLHS) đầu tiên của nước CHXHCN Việt Nam, BLHS đầu tiên của Việt Nam có

hiệu lực từ ngày 01/01/1985, trong đó tội giết người được quy định tại chương II điều 101, bao gồm 4 khoản quy định cụ thể cho từng hành vi của tội này. Đây cũng là giai đoạn áp dụng pháp luật Hình sự thống nhất cả nước. Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 04/HDTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS. Nghị quyết số 01/89 HĐTP ngày 19/04/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn bổ sung một số quy định của BLHS.

Qua thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, tính chất của tội phạm giết người ngày càng nguy hiểm, càng tinh vi, manh động. Nhằm phù hợp với tình hình thực tế phát sinh, BLHS Việt Nam qua 4 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989; 1991; 1992; 1997, đến năm 1999, tại kỳ họp thứ VI Quốc hội khoá X đã quyết định thông qua Bộ Luật hình sự năm 1999 và có hiệu lực vào ngày 01/07/2000. Ở Bộ luật này, tội giết người quy định tại Điều 93, bao gồm có 3 khoản quy định chi tiết hơn, cụ thể hơn về hành vi tội giết người, đồng thời quy định cụ thể về hình phạt cho từng loại hành vi.

Bộ luật Hình sự năm 1999 được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua năm 1999, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Điểm mới cơ bản của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung:

Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự đã bỏ án tử hình đối với 8 tội, đó là: hiếp dâm; buôn lậu; lừa đảo; làm, tàng trữ, lưu hành, vận chuyển tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả; tổ chức sử dụng trái phép ma túy; chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy; đưa hối lộ; huỷ hoại vũ khí quân dụng. Đối với các hành vi phạm tội nêu trên, chỉ áp dụng hình phạt cao nhất là tù chung thân. Nâng mức định lượng với nhiều tội danh theo hướng tăng lên. Cụ thể, nâng mức định lượng từ 500.000 đồng lên 2 triệu đồng để xử lý các loại hành vi lừa đảo; đưa, nhận, môi giới hối lộ; trộm cắp; tham ô; công nhiên chiếm đoạt tài sản; huỷ hoại tài sản; lợi dụng chức vụ để trục lợi... Tuy nhiên, số tiền định lượng này chỉ áp dụng cho người phạm tội lần đầu. Nếu người phạm tội thuộc các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt, chưa được xoá án tích... thì dù số tiền

phạm tội dưới 2 triệu đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự. Đối với tội chiếm giữ trái phép tài sản, luật mới nâng mức vi phạm để truy cứu trách nhiệm từ 5 triệu đồng lên 10 triệu đồng; nâng mức tiền trốn thuế từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng mới xử lý hình sự...

Một bổ sung quan trọng về tội đánh bạc, đó là quy định số tiền đánh bạc từ 2 triệu đồng trở lên mới có thể bị xử lý hình sự, thay vì quy định chung chung số tiền “có giá trị lớn” như trước đây. Và để chấm dứt việc tranh cãi tại sao không xử lý hình sự các tổ chức đánh bạc, gá bạc hợp pháp như chơi đua ngựa, dự đoán có thưởng...Luật quy định phải là tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép mới bị xử lý hình sự; đồng thời quy định theo hướng nghiêm khắc hơn đối với các hành vi vi phạm quy định về đất đai: Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, mục đích sử dụng đất trái pháp luật, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm sẽ bị xử lý hình sự. Chỉ cần thuộc một trong các trường hợp: Gây hậu quả nghiêm trọng; đất có diện tích lớn hoặc giá trị lớn; đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm là có thể bị xử lý hình sự. Mức án cao nhất của tội này trong Bộ luật Hình sự 1999 là 7 năm tù thì luật sửa đổi, bổ sung nâng lên 12 năm tù; nâng hình phạt bổ sung cho loại tội này lên 100 triệu đồng (trước đây là 50 triệu đồng)... Lần sửa đổi này, riêng tội giết người vẫn giữ nguyên quy định và chế tài.

Kết luận Chương 1

Nội dung chương 1 của luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người. Trên cơ sở nghiên cứu khái niệm chung về tội giết người trong Bộ luật hình sự năm 1999 được quy định tại Điều 93 BLHS, kết hợp với việc phân tích các dấu hiệu pháp lý, phân biệt tội giết người với các tội phạm có liên quan để làm cơ sở đánh giá, đồng thời khái quát lịch sử xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội giết người để có cách nhìn toàn diện hơn đối với loại tội phạm này. Việc nghiên cứu, làm rõ những vấn đề tại chương 1 sẽ là cơ sở lý luận và pháp lý của tội giết người cho việc nghiên cứu hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước (từ năm 2013-2017) ở chương 2 trong luận văn này.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC

2.1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội giết người và những nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.1.1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội giết người

Quy định về tội phạm tội giết người được quy định tại điều 93 Bộ luật hình sự như sau:

1. Người nào giết người thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;
- c) Giết trẻ em;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- đ) Giết ông bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Giết người mà trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm

hoặc đặc biệt nghiêm trọng;

- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- n) Có tính chất côn đồ;
- o) Có tổ chức;
- p) Tái phạm nguy hiểm;
- q) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị

phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

2.1.2. Quy định về hình phạt đối với tội giết người

- Khung cơ bản được quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự có mức phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

- Khung tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình đối với các trường hợp sau:

- + Giết nhiều người: Được hiểu là giết từ hai người trở lên.
- + Giết phụ nữ mà biết là có thai: Nạn nhân là phụ nữ có thai mà người phạm tội biết rõ, không kể thai người phụ nữ đang mang vào tháng thứ mấy.
- + Giết trẻ em: Nạn nhân là người chưa đủ 16 tuổi.
- + Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân: Nạn nhân đang thực thi nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao phó vì những lợi ích chung. Người thực hiện hành vi tước quyền sống của nạn nhân biết rõ công vụ nạn nhân đang thực hiện.
- + Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình: Đây là trường hợp giết người mà nạn nhân là người có quan hệ đặc biệt với người phạm tội. Trong mối quan hệ đặc biệt này, người phạm tội phải là người hơn ai hết biết ơn và kính trọng nạn nhân, với hành vi phạm tội của mình, người phạm tội trong trường hợp này không chỉ vi phạm pháp luật mà còn vi phạm nghiêm trọng đạo lý làm con, cháu, làm trò, làm người được nuôi dưỡng.
- + Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng: Là trường hợp giết người sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc người phạm tội vừa thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng sau đó thực hiện hành vi giết người. Tội phạm đó phải liền trước hoặc liền sau tội giết người khi xét về mặt thời gian, có sự liên tục nhau và có tính tiết ngay tức khắc.

+ Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác: Vì để thực hiện một tội phạm khác mà đã giết người hoặc giết người nhằm che giấu một tội phạm mà chính chủ thể đã thực hiện hoặc không do chủ thể thực hiện.

+ Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân: Đây là trường hợp giết người mà động cơ phạm tội là việc chiếm đoạt bộ phận cơ thể của nạn nhân cho mình, cho người thân hoặc để trao đổi, mua bán. Động cơ phạm tội trong trường hợp này được xem như loại động cơ đê hèn, thể hiện tính ích kỷ cá nhân cao độ trong việc đánh đổi tính mạng người khác cho việc thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

+ Thực hiện tội phạm một cách man rợ: Người phạm tội đã thực hiện hành vi dã man, man rợ, tàn ác, không còn tính người. Gây ra sự ghê sợ, kinh khủng, phản uất cho bộ phận xã hội, cộng đồng...

+ Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp: Là trường hợp giết người mà người phạm tội đã lợi dụng nghề nghiệp của mình để có thể dễ dàng thực hiện hoặc che dấu hành vi giết người.

+ Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người: Là trường hợp giết người mà người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện, hoặc thủ đoạn phạm tội có khả năng làm chết nhiều người (trong hoàn cảnh cụ thể).

+ Thuê giết người hoặc giết người thuê: Là trường hợp dùng lợi ích vật chất sai khiến người khác thực hiện hành vi giết người theo ý muốn của mình, biến họ thành "công cụ" giết người trong tay mình. Ngược lại, giết người thuê là trường hợp giết người chỉ vì động cơ kiếm tiền hay lợi ích vật chất khác. Đây cũng là một dạng của động cơ đê hèn.

+ Có tính chất côn đồ: Là trường hợp giết người mà tất cả tình tiết của vụ án thể hiện người phạm tội có tính chất hung hãn cao độ, quá coi thường tính mạng của người khác, sẵn sàng giết người vì những nguyên do nhỏ nhặt nhất.

+ Có tổ chức: Là trường hợp đồng phạm giết người mà giữa các chủ thể có sự cấu kết chặt chẽ với nhau.

+ Tái phạm nguy hiểm: Giết người trong trường hợp tái phạm nguy hiểm là trường hợp giết người thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự.

+ Vì động cơ đê hèn: Là trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm đã làm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi giết người tăng lên một cách đáng kể so với những trường hợp bình thường. Thực tế xét xử thừa nhận những động cơ phạm tội sau coi là động cơ đê hèn: Giết vợ hoặc chồng để lấy vợ hoặc chồng khác; giết người vì vụ lợi (giết người để được hưởng thừa kế...); giết người có tính chất bội bạc, phản trắc (giết người tình đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm...).

– Ngoài hình phạt chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự còn có hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 93 Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

2.1.3. Những nội dung sửa đổi, bổ sung về tội giết người trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Về thiết kế điều luật. Tội giết người theo quy định của BLHS năm 2015 được nhà làm luật giữ nguyên như BLHS năm 1999, tức là khung tăng nặng được đưa lên đầu và khung cơ bản được đưa vào khoản 2.

Tội giết người được quy định ở cả 2 BLHS nhà làm luật đều không liệt kê các hành vi về mặt khách quan. Như vậy ta có thể hiểu tất cả các hành vi thuộc mặt khách quan có khả năng gây ra cái chết cho nạn nhân đều là hành vi của tội giết người.

Về yếu tố về mặt chủ quan của tội giết người được quy định ở cả hai BLHS đều giống nhau. Tức là lỗi cố ý và mục đích muốn tước đoạt tính mạng trái pháp luật của nạn nhân.

Về hình phạt ở khung cơ bản và khung tăng nặng được nhà làm luật giữ nguyên.

Tội giết người theo quy định của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định tại điều 123. Điều luật được kết cấu bao gồm 4 khoản với khoản 1 là khung tăng nặng, khoản 2 là khung cơ bản, khoản 3 được quy định cho hình phạt của người chuẩn bị phạm tội, khoản 4 là hình phạt bổ sung. Như vậy, ta

thấy ở tội giết người ở BLHS năm 2015 có số lượng khoản nhiều hơn BLHS 1999.

Về hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của tội giết người theo quy định của BLHS năm 2015 là từ 01 năm đến 05 năm. Như vậy, nhìn chung hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của BLHS năm 2015 nhẹ hơn so với BLHS năm 1999.

Sửa một số từ ngữ: Nhiều người thành 02 người trở lên; trẻ em thành người dưới mười 16 tuổi; tội thành tội phạm.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội giết người tại tỉnh Bình Phước.

2.2.1. Những mặt tích cực trong hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người.

2.2.1.1. Khái quát tình hình xét xử các vụ án về tội giết người của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Qua nghiên cứu, phân tích số liệu thống kê báo cáo kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về tình hình xét xử sơ thẩm tội giết người trong thời gian từ năm 2013-2017 ta có bảng số liệu 2.1 cho thấy: Trong thời gian từ năm 2013-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử là 5.270 vụ án với tổng số bị cáo là 9.798 bị cáo. Trong đó, tổng số vụ án đưa ra xét xử về tội giết người là 163 vụ án (chiếm tỷ lệ là 15,44%) với số bị cáo bị xét xử tội này là 297 bị cáo (chiếm tỷ lệ là 24,52%). Điều đó cho thấy trong những năm qua tình hình tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước chiếm tỉ lệ không nhỏ trong tổng số các vụ án được đưa ra xét xử.

Đối với Bảng 2.2 cho thấy: Trong toàn bộ các vụ án về xâm hại tính mạng và sức khỏe do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử thì số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội giết người chiếm tỉ lệ tương đối cao (trong 2013, 2016, 2017 chiếm tỷ lệ trên 15% trong khi đó năm 2015 chỉ có 9,5%, năm 2014 có 12,2%).

Phân tích bảng 2.3 cho thấy: Trong thời gian từ năm 2013-2017, số vụ án phải xét xử về tội giết người là 163 vụ với 297 bị cáo, đã xét xử 150 vụ với 274 bị cáo, số vụ án trả lại Viện kiểm sát là 13 vụ với 23 bị cáo. Điều đó cho thấy dù số lượng, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh tương đối nhiều nhưng các cơ quan tố

tụng tỉnh Bình Phước đã nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc phát hiện và xử lý tội phạm.

Qua các bảng phân tích nói trên, có thể nói tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh hiện nay đang ở mức đáng báo động. Nó không những huỷ hoại nhân cách của mỗi người mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Nó báo động về sự xuống cấp về đạo đức của con người trong xã hội hiện nay, đặc biệt là độ tuổi thanh, thiếu niên.

2.2.1.2. Đánh giá mặt tích cực trong tội danh và định hình phạt theo cấu thành cơ bản (khoản 2 điều 93).

Việc định tội danh theo cấu thành cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong 5 năm qua từ 2013-2017 của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước về cơ bản đã đảm bảo chính xác, không để xảy ra tình trạng oan, sai hay bỏ lọt tội phạm, điều đó được thể hiện qua sự nỗ lực của cơ quan tiến hành tố tụng. Người tiến hành tố tụng đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của người thực hiện và các tình tiết khác có liên quan. Nắm chắc và nhận thức đúng về tội danh từ đó áp dụng đúng, cụ thể như sau:

- Định tội danh theo chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội giết người là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 14 tuổi trở lên. Thực tế tại tỉnh Bình Phước trong thời gian từ năm 2013-2017 chưa có trường hợp nào gặp khó khăn vướng mắc trong vấn đề xác định chủ thể của tội phạm.

- Định tội danh theo khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ khỏi sự xâm hại của hành vi phạm tội. Khách thể của tội phạm chính là đối tượng bảo vệ của luật hình sự được quy định ở K1, Điều 8 của BLHS. Khách thể của tội phạm được chia làm 03 nhóm: Khách thể chung của tội phạm, khách thể loại của tội phạm và khách thể trực tiếp của tội phạm. Đối với Tội giết người, khách thể là tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, quan hệ nhân thân của con người được quy định tại chương XII của BLHS. Nhận thức đúng khách thể sẽ giúp cho việc định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng được chính xác.

Ví dụ vụ Phạm Văn Giàu phạm tội giết người và cố ý gây thương tích.

Vào ngày 26/6/2015, tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã đưa ra xét xử công khai đối với Phạm Văn Giàu phạm tội giết người, cố ý gây thương tích theo khoản 2 điều 93 và khoản 2 điều 104 BLHS. Nội dung vụ án như sau: Ngày 13/4/2014, Phạm Văn Giàu nghi ngờ anh Lê Văn Minh lấy trộm ví của mình. Sau đó Giàu đã tìm thấy ví và xin lỗi Minh nhưng chị Trần Thị Bình, là bạn của anh Minh không đồng ý việc xin lỗi và đe dọa sẽ đánh Giàu nên Giàu đã mua sẵn 01 con dao bấm cắt trong túi quần để phòng thân. Ngày 14/4/2014, anh Minh và chị Bình đến phòng trọ tìm Giàu. Khi gặp Giàu, anh Minh chửi và dùng tay đánh Giàu thì Giàu cầm dao bấm đâm 01 nhát trúng tay trái của anh Minh. Chị Bình cầm nón bảo hiểm đánh Giàu thì bị Giàu đâm 02 nhát vào ngực và bụng. Sau đó Giàu bỏ chạy thì bị anh Minh nắm tay kéo lại, Giàu tiếp tục đâm 02 nhát vào khuỷu tay trái của anh Minh. Hậu quả là làm cho chị Bình tử vong và gây thương tích tổn hại 26% sức khỏe cho anh Minh.

Khi vụ án xảy ra, có nhiều quan điểm trái chiều về hành vi của anh Phạm Văn Giàu phạm tội “Giết người” hay “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Và trên cơ sở đánh giá chính xác toàn diện hành vi thực tế của bị cáo, xét thấy người bị hại là chị Bình và anh Minh có lỗi một phần từ việc người bị hại gây sự, chửi bới và đã đánh trước, yếu tố lỗi của người bị hại và trạng thái tinh thần của chủ thể khi thực hiện hành vi phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh đúng với hành vi của Giàu là tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS và khoản 2 điều 104 BLHS. [39]

Tại Bản án số 20/2015/HSST ngày 26/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tuyên bố bị cáo Phạm Văn Giàu phạm tội giết người, cố ý gây thương tích và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Giàu. Với hành vi bị cáo Giàu cố ý tước đoạt tính mạng của người bị hại Trần Thị Bình và cố ý gây thương tích cho anh Lê Văn Minh, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của chị Bình và sức khỏe của anh Minh là khách thể đặc biệt được Luật Hình sự ưu tiên bảo vệ.

Vì vậy, với bản án này, người viết cho rằng việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã nhận định đúng trong việc định tội danh theo khách thể của tội phạm đúng

nên việc xét xử bị cáo Phạm Văn Giàu phạm tội giết người và cố ý gây thương tích áp dụng khoản 2 điều 93 và khoản 2 điều 104 BLHS là hoàn toàn phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Định tội danh giết người theo mặt khách quan của tội phạm*

Mặt khách quan của tội giết người là hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tước đoạt tính mạng người khác và hậu quả xảy ra.

Như vụ án Đinh Thị Hiện phạm tội giết người tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước là một ví dụ:

Vào ngày 16/10/2014, sau khi làm việc với Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng về việc ly hôn với người bị hại là ông Vũ Quang Hiếu, bị cáo Đinh Thị Hiện đi ra phía cổng Tòa án thì gặp ông Hiếu. Hai người có lời qua tiếng lại và phát sinh mâu thuẫn. Ông Hiếu đã có hành vi nắm tóc bị cáo và kéo đi, bị cáo liền lấy con dao bằng kim loại dài 32 cm, bản sắc, mũi nhọn, lưỡi dao dài 20.5 cm mang theo để sẵn trong túi xách ra đe dọa để ông Hiếu thả tóc bị cáo ra nhưng ông Hiếu vẫn không buông. Hai người xô xát qua lại một lúc thì cùng ngã xuống đất. Trong lúc ngã, bị cáo Hiện đã đâm vào vùng nách trái ông Hiếu bằng con dao như miêu tả ở trên, hậu quả làm cho ông Hiếu bị thủng phổi, gây tràn máu màng phổi dẫn đến tử vong [2, tr.38].

Trong vụ án này, hậu quả xảy ra cũng do một phần lỗi của người bị hại, do người bị hại vô cớ nắm tóc bị cáo, khiến cho tinh thần bị cáo bị kích động. Bị cáo lấy dao ra đe dọa yêu cầu người bị hại thả tóc bị cáo ra nhưng người bị hại vẫn không thả, tiếp tục nắm tóc và kéo bị cáo đi, trong lúc hai người cùng ngã xuống đường thì bị cáo đã cầm dao đâm vào nách trái người bị hại. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng dao nhọn – hung khí nguy hiểm để đâm người bị hại sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự, theo Cáo trạng số 19/CT-VKS-P1A ngày 26/3/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố và Bản án số 44/2015/HSST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân Tỉnh

Bình Phước đã tuyên phạt Đinh Thị Hiện 05 năm tù về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội, tinh thần bị cáo bị kích động do hành vi trái pháp luật của người bị hại. Hành vi của bị cáo Đinh Thị Hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Giết người” theo Điều 93 Bộ luật hình sự. Và trên cơ sở đánh giá chính xác toàn diện hành vi thực tế của bị cáo, xét thấy bị cáo Đinh Thị Hiện phạm tội cũng xuất phát từ hành vi lỗi của người bị hại Vũ Quang Hiểu từ việc vô cớ nắm tóc, đánh và hiện trái pháp luật, yếu tố lỗi của người bị hại và trạng thái tinh thần của chủ thể khi thực hiện hành vi phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh đúng với hành vi của Hiện là tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Người viết cùng đồng tình với việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với bản án nói trên.

- Định tội danh giết người theo mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm lỗi (cố ý hoặc vô ý) động cơ và mục đích phạm tội. Mặt chủ quan phản ánh mối liên hệ giữa ý thức và ý chí của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người đó thực hiện. Người phạm tội giết người thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Trong 5 năm qua, cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước đã đảm bảo định tội danh đúng với tội giết người theo mặt chủ quan của tội phạm. Các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán trong quá trình định tội danh đã xác định được đúng, đầy đủ các tình tiết cụ thể của từng hành vi phạm tội được thực hiện trong mỗi vụ án cụ thể.

Diễn hình như vụ án Lâm Văn Đạm xảy ra tại huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng giữa tháng 6/2016 Lâm Văn Đông cùng với Mã Văn Cường – Sn: 1999 đến tiệm của Trần Thanh Lâm tại ấp Phước Tâm, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để Đông chơi điện tử máy bắn cá với hình thức chơi là người chơi mua điểm để làm đạn bắn cá. Sau khi chơi thua hết 200.000đ thì Đông mượn xe mô tô (không biển kiểm soát) của Cường cầm cho Lâm để mua điểm chơi tiếp, đến khi số tiền thua là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm ngàn đồng) thì Lâm không cho Đông chơi nữa, Đông hẹn hôm sau đến trả tiền cho Lâm rồi lấy xe, sau

đó Đông và Cường đi bộ về.

Đến khoảng đầu tháng 7/2016, do Đông không trả tiền nên Lâm cùng Lê Tấn Thành (tên gọi khác là Thành mát) và Nguyễn Đình Hiếu đi tìm Đông. Khi gặp Đông, Lâm đòi tiền thì Đông hẹn 03 ngày nữa sẽ trả tiền. Đến ngày hẹn, Đông không trả tiền nên ngày 04/7/2016, Lâm, Hiếu và Thành đến nhà Đông đòi tiền nhưng Đông không có ở nhà mà chỉ có mẹ của Đông là bà Mông Thị Nuôm và anh của Đông là Lâm Văn Đạm ở nhà, Lâm đòi tiền và nói nếu không trả thì sẽ đánh Đông rồi Lâm và Thành đi về trước còn Hiếu ở lại nói chuyện với Đạm. Đạm nói với Hiếu về nói với Lâm là Đạm sẽ trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) nếu đồng ý thì ngày mai Đạm đưa tiền cho Lâm, sau đó Hiếu về nói với Lâm thì Lâm đồng ý. Đến khoảng 18 giờ ngày 05/7/2016, Đạm đến nhà Hiếu gặp Lâm để trả tiền cho Lâm và yêu cầu được lấy xe mô tô mà Đông đã cầm cho Lâm nhưng Lâm không đồng ý. Lâm nói sẽ lấy 3.000.000đ (ba triệu đồng) còn Đạm phải đưa thêm 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) để chuộc xe. Đạm không đồng ý nên hai bên xảy ra tranh cãi, Lâm dùng tay tát Đạm còn Thành dùng roi điện dí vào cổ Đạm nhưng được can ngăn nên Đạm đi về.

Sáng ngày 06/7/2016, Lâm nói Hiếu gọi điện cho Đông để lấy tiền. Khi Hiếu gọi cho Đông thì bà Nuôm nghe máy và nói chuyện với Hiếu, lúc này Đạm lấy điện thoại nói với Hiếu nội dung yêu cầu khi Lâm vào nhà lấy tiền thì mang xe vào trả luôn. Sau đó, Hiếu nhắn tin cho Lâm nói vào nhà Đông lấy tiền. Đến khoảng 12 giờ, Lâm điều khiển xe Sirius biển số 61B1- 602.39 chở Thành đến nhà Đông, khi đi Lâm đeo một túi xách màu đen ngang hông và đưa cho Thành một cây kiếm dài 70cm, Thành giấu kiếm vào trong áo khoác. Trên đường đi Lâm đưa cho Thành một cây roi điện và nói “nếu đánh nhau có cái mà đánh lại, vào mà Đông trả tiền thì lấy tiền về còn không thì đưa kiếm cho Lâm chém Đông”. Khi đến nhà, Lâm xuống xe đi vào hiên nhà còn Thành đứng ở ngoài sân. Lúc này bà Nuôm đang nằm trên giường trong nhà xem tivi còn Đạm nằm ở võng. Nghe tiếng xe đến, bà Nuôm đi ra cửa thì gặp Lâm, Lâm hỏi “Đạm, Đông ở nhà không?”, bà Nuôm trả lời “Đạm ở nhà nằm võng, tiền nong từ từ cháu ơi”. Thấy Lâm vẻ mặt giận dữ thì bà Nuôm đi sang nhà bà Hoàng Thị Khiết bên cạnh kêu la đánh nhau. Nghe tiếng của Lâm nói thì

Đạm đứng dậy thấy Lâm đứng ở hiên nhà còn Thành cầm kiếm đứng gần xe máy ở sân. Lâm đi đến dùng chân đá vào cửa làm vỡ kính thì Đạm liền chạy xuống nhà bếp lấy 01 con dao bằng kim loại nguyên khối, một lưỡi sắc, dài 36,5cm rồi chạy lại chỗ Lâm. Lâm đi tới dùng hai tay chụp vào hai bả vai của Đạm, Đạm dùng tay trái chụp giữ bả vai phải của Lâm còn tay phải cầm dao đâm vào bụng của Lâm hai nhát. Lâm quay người gọi “Mát ơi” thì Thành ném cây kiếm cho Lâm nhưng Lâm không chụp được. Đạm tiếp tục dùng dao đâm vào lưng của Lâm, Lâm bỏ chạy thì Đạm cầm dao đuổi theo. Lúc này Đông, Lâm Văn Kim, Lâm Văn Sông và Lâm Văn Cương đang ở nhà bà Khiết nghe tiếng bà Nuôm la đánh nhau thì chạy sang nhà bà Nuôm. Thấy có nhiều người chạy đến nên Thành nhặt cây kiếm, bỏ xe lại rồi bỏ chạy vào vườn nhà ông Uẩn Văn Vinh cách nhà bà Nuôm 200m trốn trong bụi cây rồi rút cây kiếm và cây roi điện tại vườn nhà ông Vinh rồi bỏ trốn. Còn Lâm bỏ chạy ra bên hông nhà thì Đạm cầm dao đuổi theo ra sau vườn thì Lâm bị vấp ngã xuống đất, Đạm tiếp tục dùng dao đâm trúng vùng lưng (hông trái) của Lâm, Lâm quay người đưa tay trái lên đỡ thì Đạm đâm, chém trúng vào tay trái của Lâm và đâm vào đùi trái của Lâm. Lâm đứng dậy quay người để đánh trả thì Đạm tiếp tục dùng dao chém qua lại trúng vào đùi của Lâm. Lâm chạy vào chòi bên hông nhà bà Nuôm rồi nằm gục xuống đất. Đạm cầm dao chạy sang phía sau nhà bà Khiết rồi rút con dao vào bụi tre rồi cùng Sông đưa Lâm đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước cấp cứu thì Lâm tử vong. Sau đó Đạm đến Công an xã Đồng Tiến đầu thú.

Lâm Văn Đạm bị truy tố về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS năm 1999 và tuyên bị cáo 10 năm tù đối với hành vi phạm tội của mình [39]. Tác giả đồng quan điểm với bản án nói trên.

2.2.1.3. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo cấu thành tăng nặng (khoản 1 điều 93).

Trong thời gian 5 năm từ 2013-2017, thực tiễn định tội danh theo cấu thành tăng nặng của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước về cơ bản đã đảm bảo chính xác, không để xảy ra tình trạng oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Để đạt được kết quả này là do cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của người thực hiện và các tình tiết khác có liên quan.

Nắm chắc và nhận thức đúng về các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 1 điều 93 BLHS, từ đó áp dụng vào quá trình tội danh đúng.

Diễn hình như vụ án Nguyễn Hải Dương và đồng phạm đã làm chấn động cả nước một thời gian dài và gây xôn xao cho dư luận về tội giết người và cướp tài sản tại Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, nội dung vụ án như sau:

Do thù tức việc bà Nguyễn Lê Thị Ánh Nga ngăn cản mối quan hệ tình cảm giữa Nguyễn Hải Dương với Lê Thị Ánh Linh và việc Linh nghe lời mẹ chia tay với Dương nên Dương đã nảy sinh ý định giết cả gia đình Linh để trả thù và cướp tài sản. Để thực hiện việc giết cả gia đình Linh, Dương đã chuẩn bị công cụ phạm tội gồm: 01 khẩu súng bắn bi, 01 khẩu súng điện, 01 con dao bấm, găng tay, dây rút và đã lợi dụng cháu Dư Minh Vỹ để phục vụ cho kế hoạch phạm tội của mình. Ngày 04/7/2015, Dương rủ Trần Đình Thoại đến nhà ông Mỹ với mục đích giết người rồi cướp tài sản, Thoại đồng ý. Dương bàn bạc với Thoại về việc chuẩn bị công cụ phạm tội, kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội. Đến khuya cùng ngày Dương và Thoại đến nhà ông Mỹ, nhưng do cháu Vỹ không ra mở cửa, nên không thực hiện được hành vi giết người và cướp tài sản như theo kế hoạch đã bàn bạc, cả 2 bàn nhau đi về ngày hôm sau tiếp tục đến nhà ông Mỹ để gây án. Trên đường về, Thoại bàn với Dương là Thoại sẽ mua thêm 01 con dao Thái Lan để ngày mai đi tiếp, thì Dương đồng ý. Đến tối ngày 05/7/2015, Thoại đã mua 01 dao Thái Lan đưa cho Dương, nhưng sau đó nói bà ngoại bệnh nên không đi với Dương nữa. Ngày 06/7/2015, Dương rủ Vũ Văn Tiến đi cướp tài sản, Tiến đồng ý. Dương bàn bạc và cho Tiến biết toàn bộ kế hoạch thực hiện tội phạm, các công cụ, phương tiện đã chuẩn bị. Vào khoảng 01 giờ ngày 07/7/2015, Dương và Tiến đi vào khu vực nhà ông Mỹ, khi cháu Vỹ ra mở cửa thì Dương, Tiến đã dùng tay không chế bóp cổ, bịt miệng cháu Vỹ đến bất tỉnh, Dương dùng dao đâm nhiều nhát làm cháu Vỹ tử vong. Tiếp đến, Dương và Tiến trèo tường phía sau vào nhà ông Mỹ, khống chế trời Lê Thị Ánh Linh, Dư Ngọc Tố Như, ông Lê Văn Mỹ, bà Nguyễn Lê Thị Ánh Nga và cháu Lê Quốc Anh. Sau đó, Tiến dùng dây siết cổ từng người và Dương dùng dao lần lượt đâm chết cháu Anh, bà Nga, ông Mỹ, chị Như và chị Linh. Cùng với quá trình thực hiện hành vi giết người, Dương và Tiến đã chiếm đoạt tài sản có giá trị

49.227.058 đồng của gia đình ông Mỹ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi mà các bị cáo Nguyễn Hải Dương, Vũ Văn Tiến, Trần Đình Thoại thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo Điều 93 Bộ luật hình sự và tội “Cướp tài sản” theo Điều 133 Bộ luật hình sự. [39].

Nghiên cứu vụ án trên người viết cho thấy các bị cáo trên đều là người đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì lý do bị ngăn cản trong chuyện tình cảm mà bị cáo Nguyễn Hải Dương đã chuẩn bị hung khí và rủ bị cáo Thoại, Tiến đi giết người rồi cướp tài sản của họ, cùng một lúc các bị cáo đã tước đoạt mạng sống của 06 người trong 01 gia đình, trong đó có 02 nạn nhân là trẻ em, các bị cáo đã dùng dây trói tay và siết cổ, dùng khăn bịt mắt và dùng súng chích điện các nạn nhân rồi sử dụng dao bấm, dao Thái Lan đâm vào tim các nạn nhân sau đó dùng dao đâm vào cổ và rạch ngang cổ các nạn nhân một cách man rợ, tàn bạo.

Người viết cho rằng Bản án số 45/2015/HSST ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định các bị cáo Dương, Thoại, Tiến về tội giết người với các tình tiết định khung “giết nhiều người; giết trẻ em; để thực hiện tội phạm khác; thực hiện tội phạm một cách man rợ; có tính chất côn đồ” theo quy định tại các điểm a, c, g, i, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là có căn cứ, ngoài ra bị cáo Dương còn phải chịu thêm tình tiết định khung “vì động cơ đê hèn” theo điểm q khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là phù hợp; do tài sản các bị cáo chiếm đoạt khi giết người có giá trị 49.227.058 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự và bản án số 45/2015/HSST ngày 17/12/2015 của tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tuyên phạt các bị cáo: bị cáo Nguyễn Hải Dương, Vũ Văn Tiến, Trần Đình Thoại phạm các tội “Giết người”, “Cướp tài sản”. Áp dụng các điểm a, c, g, i, n, q khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 35; Điều 53 Bộ luật hình sự và Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Dương hình phạt Tử hình về tội “Giết người” và 08 (tám) năm tù về

tội “Cướp tài sản”, bị cáo Vũ Văn Tiến hình phạt Tử hình về tội “Giết người” và 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là Tử hình; Xử phạt bị cáo Trần Đình Thoại 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người” và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù [39].

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nêu trên người viết cho rằng: Đây là vụ án vô cùng phức tạp mang tính chất đồng phạm có nhiều tình tiết cấu thành tăng nặng, các bị cáo cùng có chung mục đích là giết người, cướp tài sản. Trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt cần xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo khi quyết định hình phạt. Trong bản án cũng đã phân tích và làm rõ được hành vi của từng bị cáo trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Hải Dương vừa là kẻ tổ chức, chủ mưu, cầm đầu vừa là người thực hành, chính bị cáo đã chuẩn bị các công cụ, phương tiện phạm tội (súng, dao, dây dù, găng tay, băng keo), lên kế hoạch giết tất cả 6 người nhà ông Mỹ và chính bị cáo rủ rê, bàn bạc với Thoại, Tiến để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo dụ dỗ, lợi dụng cháu Dur Minh Vỹ mở cổng cho bị cáo vào nhà, chính bị cáo là kẻ trực tiếp dùng dao bấm và dao Thái Lan đâm chết 06 người, bị cáo phạm tội một cách quyết liệt, quyết tâm phạm tội đến cùng mặc dù trong quá trình phạm tội đã nhiều lần bị cáo Tiến can ngăn nhưng bị cáo Dương vẫn quyết tâm phải giết hết 06 người trong gia đình nạn nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại các điểm a, c, g, i, n, q khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự như giết nhiều người, giết trẻ em, để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác, thực hiện tội phạm một cách man rợ, có tính chất côn đồ và vì động cơ đê hèn.

Xét tính chất hành vi, hậu quả mà các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng và tài sản của những người bị hại là khách thể đặc biệt được Luật hình sự ưu tiên bảo vệ bởi lẽ mạng sống của con người là bất khả xâm phạm không ai có quyền tước đoạt một cách trái pháp luật nhưng với thái độ côn đồ, hung hãn, bất chấp luân thường đạo lý các bị cáo đã cố tình tước đoạt mạng sống của những người bị hại một cách tàn nhẫn rồi chiếm đoạt tài sản của họ, cùng một lúc các bị cáo giết chết 06 người trong một gia đình, gây đau thương mất

mát cho những người thân của nạn nhân mà không gì bù đắp nổi, ngoài ra còn gây xôn xao dư luận, bất bình, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy bản án đã tuyên với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng trừng trị, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Để định tội danh đúng được chính xác các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước đã xác định đúng khách thể của tội phạm ở đây là tính mạng và tài sản của người bị hại, được điều 93 và 133 BLHS bảo vệ. Dương, Tiên giết người sau đó cướp tài sản. Hành vi của Dương, Tiên thuộc cấu thành tăng nặng quy định tại điểm a, c, g, i, n, q khoản 1 điều 93 BLHS.

Khi người phạm tội thực hiện không phải một tội phạm mà thực hiện nhiều tội phạm thì việc định tội danh đối với các hành vi đó có một số đặc điểm và thường gặp một số khó khăn nhất định. Trường hợp này người phạm tội thực hiện một số tội phạm xâm phạm đến nhiều khách thể được luật hình sự bảo vệ gây ra những thiệt hại lớn về vật chất, thể chất, tinh thần. Pháp luật hình sự nước ta không đưa ra định nghĩa về phạm nhiều tội mà chỉ quy định nguyên tắc của việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội (Điều 50 BLHS năm 1999). Và vụ án trên là một điển hình, việc định tội danh của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã nỗ lực hết mình để tìm ra sự thật và một hình phạt thích đáng cho kẻ phạm tội.

Có thể thấy, định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định đúng hình phạt, khung hình phạt và quyết định hình phạt chính xác từ đó đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội.

Định tội danh đúng thể hiện rõ nhất hiệu quả hoạt động thực tiễn của việc áp dụng pháp luật, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của cơ quan tiến hành tố tụng, ý thức tuân thủ triệt để pháp luật, từ đó nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan này, góp phần củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, Đảng và nhà nước ta lấy con người làm mục tiêu của

sự phát triển. Để bảo vệ con người, nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và tiến hành nhiều biện pháp vừa để bảo vệ con người. Tuy nhiên do sự phối hợp chưa nhịp nhàng giữa các cơ quan chuyên trách nên hoạt động phòng chống tội phạm giết người chưa mang lại hiệu quả. Giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa tìm được tiếng nói chung trong việc giáo dục con em mình. Hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật mới chỉ chú trọng vào việc “chống” không quan tâm đến công tác “phòng” và chưa kết hợp được từng vị trí với cải tạo, giáo dục đạo đức, truyền thống của dân tộc và chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Do đó có một bộ phận nhân dân chưa am hiểu hết chính sách pháp luật của nhà nước cũng như chưa nhận thức được hành vi nào là đúng, hành vi nào là sai nên hậu quả mà họ gây ra rất đáng tiếc.

2.2.2. Những hạn chế, thiếu sót trong định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người.

Bên cạnh những mặt tích cực của nền kinh tế thị trường với cơ chế mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thì mặt trái của nó đã tác động nhiều đến đời sống xã hội như tình trạng thất nghiệp, sự suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của một số người. Đáng chú ý là tình trạng thanh thiếu niên phạm tội ngày càng gia tăng, những bị cáo khi ra trước vành móng ngựa đang độ tuổi teen mà đã có hành vi giết người. Từ công tác đấu tranh trong những năm qua cho thấy không chỉ tội phạm được “trẻ hoá” mà hành vi phạm tội cũng ngày càng nguy hiểm hơn, số thanh thiếu niên tụ tập thành từng nhóm ăn chơi, càn quấy, hút chích ma tuý tham gia các băng nhóm kiểu “xã hội đen” rồi chém giết thanh toán trả thù lẫn nhau.

Một thực trạng đau lòng góp phần “không nhỏ” vào tội phạm giết người hiện nay đang nhức nhối xã hội. Người phạm tội có tuổi đời còn quá nhỏ, để có thể hiểu và nhận thức được hết hậu quả mà mình gây ra. Chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ nhưng đã có những hành động trái pháp luật. Đó cũng là một thực trạng của giới trẻ hiện nay rất thích thể hiện bản thân, dẫn đến những hậu quả vô cùng đau lòng.

Trong 5 năm qua, theo thống kê kết quả xét xử phúc thẩm (bảng số 2.4) thì tại tỉnh Bình Phước: Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử y án 82 vụ, 151 bị cáo, sửa án 09 vụ, 17 bị cáo, đối với tội giết người chỉ có 04 vụ bị cấp phúc thẩm hủy do thiếu

căn cứ trong việc định tội danh. Phần lớn, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thu thập đầy đủ chứng cứ hoặc chưa đủ cơ sở để xác định tội danh. Điều đó thể hiện trước sự diễn biến của tình hình tội phạm ngày càng phức tạp, tinh vi, xảo quyệt, nhưng với sự cố gắng nỗ lực, phấn đấu của các cơ quan có thẩm quyền và sự quan tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền, trong thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc phát hiện và xử lý tội phạm nói chung trong đó có các tội giết người nói riêng. Qua đó, cũng có nhiều vụ án khó khăn, vướng mắc nhất định trong việc định tội danh dẫn đến quan điểm về định tội danh giữa các cơ quan tiến tụng, nhất là Viện kiểm sát và Tòa án có sự khác nhau về định tội danh theo câu thành cơ bản. Những vướng mắc này chủ yếu phát sinh đối với những vụ án mà hành vi phạm tội của bị can không thể hiện một cách đặc trưng, rõ ràng các yếu tố CTTP. Hành vi của người phạm tội có dấu hiệu của tội phạm khác nhau như: Giết người, cố ý gây thương tích giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hoặc việc báo tin tố giác muộn nhưng cơ quan điều tra không làm rõ được tại sao lại tố giác muộn, lấy lời khai ban đầu không rõ ràng cũng là một trong những lý do để cấp phúc thẩm hủy án. .

2.2.2.1. Thiếu sót trong định tội danh.

Ngoài những mặt tích cực nói trên, thực tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũng có những thiếu sót hạn chế trong quá trình định tội danh điển hình như kỳ án Vườn Mít đã từng xôn xao dư luận tại Bình Phước nói riêng và cả nước nói chung:

Vụ án xảy ra từ năm 2004, nhưng đến năm 2013 mới giải quyết dứt điểm, chứng cứ còn nhiều mâu thuẫn nên cơ quan tiến hành tố tụng trả hồ sơ nhiều lần cũng như bị cấp phúc thẩm hủy án nhiều lần nên việc giải quyết vụ án kéo dài từ năm này qua năm nọ, vì có nhiều quá điểm trái chiều nhau, nên cơ quan tiến hành không thống nhất được quan điểm dẫn đến khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng 6 giờ ngày 12/11/2004, Lê Bá Mai cùng với Nguyễn Văn Trong, Đỗ Thanh Trường đi rải phân và cày đất trồng mì thuê cho anh Bạch Văn Hùng và anh Võ Văn Dùm. Khi đi rải phân thì Mai nhìn thấy 02 cháu gái người đồng bào không biết

tên khoảng 11, 12 tuổi đang mót sắn cách chỗ Mai khoảng 50m. Khoảng 9 giờ thì Mai làm xong về chòi cách chỗ làm khoảng 300m cùng với Trong. Khi về đến chòi thì Mai lấy xe Honda cup 86 BS: 53SB- 4457 đến chỗ 02 cháu để dụ 01 cháu đi. Trên xe Mai không chở vật gì, đầu đội khăn mặt trắng để che mặt, trên đầu đội nón kết màu đỏ, đi đôi dép màu trắng (BL89). Đến nơi 2 cháu cách nhau khoảng 40m. Mai chạy qua cháu ở cuối rẫy (Sau này biết là Thị Hằng), Hằng nhìn Mai, thấy Hằng ít tuổi, gầy ốm nên chạy xe tiếp đến cháu thứ 2 ở đầu rẫy (sau này biết là Thị Út). Tắt máy, vẫn ngồi trên xe, Mai nói “bé ơi, qua đây chú hỏi tý”, Út chạy đến nói: “chú hỏi cái gì?”, Mai kêu lên xe để xuống chỗ này nói. Út lên xe và nói với Hằng bằng tiếng Stieng: “Hằng ơi lên trông xe đạp”, câu này Mai không biết Út nói cái gì. Thấy Út mặc áo thun ngắn tay màu xanh đen, quần trắng xám đã cũ dạng quần lửng, đầu đội nón vải đỏ, đi đôi dép xanh dạng dép xốp, ngón tay giữa đeo nhẫn (không nhớ tay nào), đeo bông tai hình tròn, cổ đeo vòng bạc, tay phải cầm 01 lưỡi xà bắt, tay trái cầm củ sắn. Rồi Mai điều khiển xe máy chở Thị Út đi vào hướng vườn mít có trồng xen cây mì cao khoảng 1,5m, khi còn cách vườn mít khoảng 30 m thì dừng xe và dựng xe ở đó. Thị Út hỏi Mai: “chú nói cái gì?”, Mai nói: “qua bên này chú nói”. Thị Út theo sau hướng vào khu vườn mít được khoảng 80 m, Thị Út không đi nữa và dừng lại hỏi “chú nói cái gì?”. Mai quay lại đứng bên Út nói: “cho chú chơi chút xíu” Út không nghe, Mai dụ chơi một tí là xong. Thị Út không đồng ý và nói “nếu chú chơi thì cháu nói với gia đình cháu biết”. Tức thì Mai dùng tay phải bắt ngờ chặt vào gáy Út 01 cái làm Út té ngửa xuống đất, nhắm mắt, lưỡi xà bắt trên tay văng ra, chân dẫy dụa chạ xuống đất, do lưng của Út đè lên cây mì, Mai kéo Út ra và nhổ cây mì lên để đó. Mai cởi quần của Út ra đến mắt cá chân, không cởi áo, rồi cởi quần dài, quần đùi, quần lót của mình xuống đến gối và nằm đè lên người Út, dùng tay phải cầm dương vật đưa vào âm hộ Thị Út khoảng 1 cm, nhấp khoảng 3 lần thì xuất tinh vào âm hộ. Giao cấu xong Mai đứng dậy và kéo quần lên. Khi giao cấu Mai không thấy Út keo la gì, Mai chỉ thấy 02 chân Út dẫy dụa chạ xuống đất, hai tay thõng xuôi theo người, hiếp xong Mai đứng tại đó khoảng 02 phút, thấy Út vẫn còn thở, nhắm mắt, sợ bị Út tố cáo nên Mai đã nảy sinh ý định giết Út, Mai dùng tay tụt quần Út ra khỏi chân, lật úp người Thị Út lại, rồi ngồi lên lưng gằn cổ, dùng tay cầm 01 ống quần luồn qua cổ Thị Út, sau đó dùng 02 tay cầm 02 ống quần thắt nút siết

mạnh vào cổ khoảng 30 giây thấy Út nằm im, Mai tiếp tục thắt nút thứ 2, sau đó Mai đứng dậy tay trái cầm chỗ nút thắt sau gáy, tay phải cầm chân trái Út kéo lại để nằm úp ở góc mít cách chỗ hiệp khoảng 3,5m rồi quay ra chỗ để xe máy lấy xe chạy về chòi. Khi về đến chòi thấy Trong và Trường đang ngủ, Mai ra sau nhà tắm rồi vào ăn cơm. Còn Thị Hằng thấy Út lên xe đi cùng Mai thì có đạp xe đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, quay về báo cho bà cô là Thị Đê biết là Út đã lên xe đi với Mai rồi. Đối với vụ án này, có nhiều quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng bị cáo Lê Bá Mai không phạm tội với lý do còn nhiều mâu thuẫn cơ bản trong lời khai của bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có nhiều mâu thuẫn cơ bản, mặc dù bị cáo Mai có những lời khai là nhận tội, nhưng lời khai nhận tội của bị cáo còn nhiều mâu thuẫn với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án và có căn cứ kết luận ngay từ đầu Thị Hằng chưa khẳng định được người chở Thị Út là Lê Bá Mai. Đồng thời, mâu thuẫn với đặc điểm, đồ vật, màu sắc mà bị cáo mang theo. Nên bản án sơ thẩm số 16 tuyên bị cáo không phạm tội hiếp dâm trẻ và phạm tội giết người.

Quan điểm thứ 2 cho rằng Lê Bá Mai phạm tội hiếp dâm trẻ em và phạm tội giết người mặc dù có một số mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo, người làm chứng, đồ vật liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra và một số điểm chưa thống nhất nhưng không thể làm thay đổi được bản chất và các tình tiết khách quan của vụ án, cần xem xét, đánh giá các mâu thuẫn này trong tổng thể hệ thống các chứng cứ khác, nên việc tuyên không phạm tội là bỏ lọt tội phạm, là không thỏa đáng.

Chính vì lẽ đó, việc không đồng nhất quan điểm nên vụ án đã kéo dài từ năm 2004 đến năm 2013 mới giải quyết xong và bản án mới có hiệu lực pháp luật.

Sau đó Lê Bá Mai bị truy tố về tội hiếp dâm trẻ em và tội giết người theo khoản 4 điều 112 và điểm c,g K1 điều 93. Tổng hợp 02 hình phạt là tử hình.

Đến ngày 24/6/2005, Lê Bá Mai viết đơn xin kêu oan với lý do: Nhân chứng Thị Hằng khai không đúng sự thật, bị cáo bị Công an huyện Bình Long đánh nên mới nhận tội.

Đến năm 2007, Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ra quyết định giám đốc thẩm hủy Bản án số 02/2007/HS – GDT để điều tra lại theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra lại Mai không nhận tội và kêu oan. Tại Bản án số 16/2011/HSST ngày 24/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên bị cáo không phạm tội hiếp dâm trẻ em và phạm tội giết người. Với lý do trong lời khai của bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có nhiều mâu thuẫn cơ bản, mặc dù bị cáo Mai có những lời khai là nhận tội, nhưng lời khai nhận tội của bị cáo còn nhiều mâu thuẫn với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án và có căn cứ kết luận ngay từ đầu Thị Hằng chưa khẳng định được người chở Thị Út là Lê Bá Mai. Đồng thời, mâu thuẫn với đặc điểm, đồ vật, màu sắc mà bị cáo mang theo. Nên bản án sơ thẩm số 16 tuyên bị cáo không phạm tội hiếp dâm trẻ em và phạm tội giết người.

Sau khi xét xử, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước kháng nghị và người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo bản án sơ thẩm số 16 nói trên. Đến năm 2012, Tòa án nhân dân tối cao tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm Bản án số 564/2012/HSPT ngày 19/6/2012 tiếp tục hủy Bản án sơ thẩm số 16/2011/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên bị cáo không phạm tội hiếp dâm trẻ em và giết người là không thỏa đáng, là bỏ lọt tội phạm. Tòa cấp phúc thẩm cho rằng bản án sơ thẩm phân tích một số mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo, người làm chứng, đồ vật liên quan đến vụ án, nhưng lại không xem xét, đánh giá các mâu thuẫn này trong tổng thể hệ thống các chứng khác, nên việc tuyên không phạm tội là bỏ lọt tội phạm.

Đến năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục xét xử lại và tuyên bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em và giết người theo khoản 4 điều 112 BLHS 1999 khoản 1 điều 93 BLHS với hình phạt là chung thân.

Quan điểm của tác giả đối với án nói trên là việc tình hình tội phạm đã xảy ra đã được phát hiện nhưng cơ quan tiến hành tố tụng (Công an, Viện kiểm sát) đã không nắm bắt xử lý kịp thời, tin tố giác của người dân báo cho cơ quan công an thì quá muộn (sự việc xảy ra ngày 12/11/2004 nhưng đến ngày 15/11/2004 mới trình báo) cho nên

sau khi tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiến hành tố tụng không làm rõ được vì sao lại tố giác muộn, nên cũng rất khó để cơ quan tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ dẫn đến khó khăn trong quá trình phá án. Đó cũng là một trong những lý do bị cấp phúc thẩm hủy án nhiều lần.

Bên cạnh những vấn đề trên thì thực tiễn trong thời gian qua, việc định tội danh của các cơ quan tố tụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước vẫn còn một số thiếu sót, hạn chế đó là việc nhận thức không thống nhất về tình tiết định khung tăng nặng dẫn đến việc khác nhau trong quá trình định tội danh theo cấu thành cơ bản hay tăng nặng dẫn đến vụ án bị trả hồ sơ điều tra nhiều lần, kéo dài vụ án gây khó khăn trong quá trình xét xử và triệu tập những người liên quan trong vụ án nhiều lần vừa gây khó khăn cho người tiến hành tố tụng cũng như những người tham gia tố tụng.

Hoặc điển hình như vụ án Vũ Minh Luân và đồng phạm về tội giết người và gây rối trật tự công cộng: Vào tháng 4/2015, Lê Thanh Long (SN: 1988, Thường trú: Tại Thôn Long Tân, Xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước) đến đám cưới nhà ông Ngân ngụ tại: Thôn Tân Phước Xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước thì gặp Vũ Minh Luân, Mai Văn Tài, Phạm Văn Chung, Nguyễn Hữu Hùng, Nguyễn Văn Khổng và Vũ Minh Thành đang ngồi chung bàn với một số người quen ở Xã Long Tân, Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Long ngồi khác bàn thấy Luân đang ngồi bên bàn bên này nên Long đang nhiều lần qua bàn Luân khiêu khích đòi đánh Luân. Tuy nhiên, Luân và nhóm bạn Luân vẫn không nói gì và không tỏ thái độ gì. Nhưng Long và nhóm Long không chịu dừng ở đó, vẫn tiếp tục muốn đánh nhau với nhóm Luân nên Lê Thanh Tùng nhóm của Long đã cầm cây qua gây sự và đánh Luân. Tùng cầm 01 khúc cây (dài khoảng 2 mét, đường kính khoảng 10cm), chạy về phía Luân đang ngồi, khi Luân vừa đứng dậy, Tùng cầm cây bằng hai tay đánh ngang qua vài vùng đầu bên trái làm Luân té ngã xuống đất. Thấy vậy, Hữu Hùng trên sân khấu chạy xuống lấy 01 cái ghế nhựa màu đỏ để đánh Tùng thì bị Tùng cầm 01 cái ghế nhựa đánh trước, Hữu Hùng dùng tay trái đỡ rồi dùng ghế đánh 01 cái trúng vào vai của Tùng. Điện lúc này lại cúp, Hùng nghe có tiếng kêu “anh em nông trường 9 chạy ra ngoài lô cao su” nên Hùng chạy ra ngoài lô cao su đứng, Thấy đánh nhau, Chung chạy ra bờ tường lấy cây tuýt sắt và cây rựa chạy

vào, Sang ở trên sân khấu chạy xuống, Chung đưa cho Sang cây rựa rồi cùng chạy vào rạp đám cưới.

Khi bị Tòng đánh ngã xuống đất, Luân nhìn dưới chân bàn có một con dao loại dao bầu cán bằng gỗ dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 14cm), Luân cầm dao đứng lên đuổi Tòng chạy ra phía sau sân khấu trên bờ tường rào nhà ông Ngân. Khi Sang cầm rựa chạy vào gặp Long đang đứng, Sang cầm rựa chém một nhát chéo từ trên xuống trúng lưng của Long, Sang chém tiếp nhát thứ 2 thì Long đưa tay trái lên đỡ nên trúng vào ban tay làm Long ngã nằm sấp xuống đất, Sang cầm rựa đuổi theo Lâm chạy đến bên hông tường rào nhà ông Ngân thì đuổi kịp thì chém từ 2 đến 3 cái vào vùng lưng của Lâm nhưng do chém vói, chỉ trượt nên sây sát nhẹ. Lúc này Chung chạy vào thấy Long đang nằm sấp dưới đất, tay trái của Chung cầm cây tuýt sắt đánh vào lưng của Long 02 cái rồi đi về hướng sân khấu, ông Ngân tiếp tục cúp mở cầu dao điện lần 2 khoảng 20 giây, Sau khi đuổi theo Tòng không kịp, Luân vội áo đắp lên vết thương trên đầu rồi cầm dao đi về phía thấy Long đang nằm sấp dưới đất, Luân khom người xuống đâm vào mông của Long 01 cái rồi rồi đứng dậy đi về hướng nhà ông Ngân thì gặp Tòng đang cầm cây đi vào. Thấy Luân, Tòng cầm cây bằng hai tay lên đánh nhưng Luân khom người xuống né qua phải làm Tòng mất đà lao về phía trước, Luân cầm dao đâm 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vùng lưng bên trái của Tòng, Luân rút dao ra đâm tiếp 01 nhát trúng lưng của Tòng, Luân tiếp tục dùng chân trái đạp Tòng 01 cái làm Tòng ngã sấp về phía trước. Cùng lúc đó, Lâm nhặt được 01 khúc vây dài khoảng hơn 01 mét, to bằng cổ tay ném về phía Luân. Thấy vậy, Chung cầm cây tiếp sắt đuổi đánh Lâm, Lâm dùng tay đỡ rồi chạy về phía sau sân khấu. Lúc này Tài đi từ phía nhà ông Ngân ra thấy Tòng đang nằm sấp dưới đất. Tài nhặt 01 khúc cây tại rạp đám cưới đánh 02 cái vào lưng, 01 cái vào đầu của Tòng. Con rể của ông Ngân là Đào Xuân Huy giật cây dao rựa trên tay Sang đem vào nhà ông Ngân cất. Sau đó, Luân, Tài, Chung, Sang, Minh Hùng đi về. Vũ Minh Luân bị VKS ND tỉnh Bình Phước truy tố về “Tội giết người” và “tội cố ý gây thương tích” theo điểm n k1 điều 93, và khoản 3 điều 104 BLHS 1999 và tuyên bị cáo Vũ Minh Luân tổng cộng 02 hình phạt là 23 năm. Phạm Văn Chung, Lê Thanh Sang truy tố tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 điều 104, Lê Văn Lâm,

Nguyễn Hữu Hùng, Lê Thanh Long truy tố về tội gây rối trật tự công cộng theo khoản 1 điều 245. [39]

Vì không thống nhất được quan điểm với Viện Kiểm sát nên khi hồ sơ chuyển qua tòa để xét xử, tòa nhiều lần mở phiên tòa xét xử và ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần về việc truy tố về tội danh của các bị cáo.

Tuy nhiên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên quan điểm không thay đổi tội danh đối với các bị cáo Phạm Văn Chung, Lê Thanh Sang từ tội cố ý gây thương tích sang tội giết người.

Đối với vụ án này, người tham gia tố tụng rất đông, nên việc triệu tập để tham gia xét xử là cả một vấn đề, trong khi đó, một vụ án phải ở phiên tòa nhiều lần, nhiều khi những người có quyền nghĩa vụ liên quan hoặc người làm chứng không đi phải áp giải.

Chính vì không thống nhất quan điểm làm vụ án kéo dài và gây nhiều khó khăn trong quá trình làm việc giữa cơ quan tiến thành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Quan điểm thứ nhất cũng là quan điểm của tác giả cho rằng Phạm Văn Chung, Lê Thanh Sang, Nguyễn Hữu Hùng chỉ phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 điều 104 vì cho rằng các bị cáo chỉ gây thương tích cho Long của bị cáo Luân, Chung, Sang và việc đánh nhau không có sự bàn bạc và không tham gia giết chết Tòng nên chỉ phạm tội cố ý gây thương tích.

Quan điểm thứ hai cho rằng, các bị cáo Phạm Văn Chung, Lê Thanh Sang, Nguyễn Hữu Hùng phạm tội giết người thể hiện ở chỗ dùng con dao rựa và cây tuýt sắt để đánh nhau và gây thương tích cho Long và tham gia rất tích cực trong việc đánh nhau, hành vi của các bị cáo thể hiện sự hung hãn, côn đồ, không tôn trọng pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác vì vậy các bị cáo là đồng phạm tội “giết người” theo điều 93 của BLHS năm 1999.

Bản án phúc thẩm số 53/2018/HSPT ngày 28/02/2018 của tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm và tuyên các bị cáo Phạm Văn Chung, Lê Thanh Sang, Nguyễn Hữu Hùng chỉ phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 điều 104 BLHS 1999. Tác giả đồng quan điểm với bản án phúc thẩm.

Những hành vi phạm tội của thanh thiếu niên khiến cho tình hình an ninh trật tự trở nên phức tạp, nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây nguy hiểm cho toàn xã hội. Nguyên nhân chính là do bản thân thanh, thiếu niên thiếu hiểu biết pháp luật. Nhưng cũng cho thấy công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật trong các nhà trường còn hạn chế, điển hình như vụ án trên.

Mặt khác, ghen tuông mù quáng dẫn đến hành vi giết người của người chồng hay người vợ cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái đạo đức hiện nay. Hậu quả của hành vi nguy hiểm trên rất to lớn; vợ mất chồng; con mất cha (mẹ) không ai chăm nom nuôi dạy... ví như vụ án Hoàng Trọng Sang. Sang và Chị Lưu kết hôn với nhau và có 01 con. Do bất đồng nên chị Lưu đòi ly hôn với anh Sang. Do không đồng ý ly hôn nên anh Sang đã bỏ đi uống rượu. Khi đi nhận về Anh Sang có cầm theo con dao dài 32 cm và nói với chị Lưu nếu ly hôn thì Sang sẽ giết chết, nhưng chị Lưu vẫn cương quyết ly hôn nếu Sang không đồng ý chị sẽ đơn phương ly hôn. Sau đó cả hai có cái vả và dẫn co với nhau, trong lúc không làm chủ bản thân, anh Sang đâm Lưu 1 nhát trúng vào phía lưng bên trái của chị Lưu. Chị Lưu đã tử vong khi được mọi người đưa đi cấp cứu. Anh Sang bị kết án với mức tù là 12 năm [38]. Trong các tầng lớp dân cư hiện nay truyền thống của con người Việt Nam dần bị mai một đi thay vào đó là lối sống ích kỷ hẹp hòi, chỉ khư khư bảo vệ lợi ích cá nhân, sẵn sàng chống trả bằng những hành vi hết sức dã man thậm chí là giết người khi họ xâm phạm đến lợi ích của mình.

Trên thực tế đã xảy ra một số vụ án mạng do ghen tuông. Điều này phản ánh sự tha hoá về đạo đức, nhân cách và nguyên tắc chung thủy, một vợ một chồng; có nhiều vụ phạm tội xảy ra vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt hay chỉ là bất đồng quan điểm hết sức bình thường nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội hết sức dã man để trả thù hoặc để thoả mãn sự căm tức...

Từ những vụ án trên, cho thấy người phạm tội thực hiện không phải một tội phạm mà thực hiện nhiều tội phạm thì việc định tội danh đối với các hành vi đó có một số đặc điểm và thường gặp một số khó khăn nhất định. Trường hợp này nhiều người phạm tội thực hiện một số tội phạm xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ gây ra những thiệt hại lớn về vật chất, thể chất, tinh thần.

Có thể thấy, định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định đúng hình phạt, khung hình phạt và quyết định hình phạt chính xác từ đó đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội.

Định tội danh đúng thể hiện rõ nhất hiệu quả hoạt động thực tiễn của việc áp dụng pháp luật, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của cơ quan tiến hành tố tụng, ý thức tuân thủ triệt để pháp luật, từ đó nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan này, góp phần củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.2.2.2. *Thiếu sót trong quyết định hình phạt*

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn quan trọng, là một trong những nội dung cơ bản của quá trình áp dụng pháp luật hình sự và chỉ có Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt là một dạng hoạt động áp dụng pháp luật hình sự do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trình tự nhất định. Ngoài ra nó còn là một dạng hoạt động pháp lý tố tụng hình sự, bởi vì để quyết định hình phạt, Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tố tụng hình sự khác như kết quả hoạt động điều tra, truy tố và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử để tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung của quyết định hình phạt thể hiện ở hai điểm sau:

Thứ nhất, Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) được áp dụng để quyết định đối với bị cáo.

Thứ hai, xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Hai nội dung đó được tiến hành theo trình tự và được thực hiện khi áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung. Loại mà mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản bản buộc tội theo quy định của BLTTHS và được công bố một cách công khai khi tuyên án [45, tr.385].

Để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt, Điều 45 BLHS năm 1999 quy định các căn cứ quyết định hình phạt mà Tòa án bắt buộc

phải dựa vào khi quyết định hình phạt là:

- *Thứ 1: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự.*

Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Toà án định tội danh và xác định khung hình phạt, yêu cầu đầu tiên của việc lựa chọn đúng loại và mức hình phạt cụ thể. Việc quy định căn cứ “quy định của bộ luật hình sự” nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng pháp luật khi áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào quyết định hình phạt. Nếu không dựa vào quy định của BLHS sẽ dẫn đến việc tùy tiện hoặc lạm dụng các quy phạm pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt, đồng thời hình phạt được quyết định cũng khó có thể tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Chính vì vậy, Điều 45 BLHS năm 1999 đã buộc Hội đồng xét xử phải “căn cứ” vào quy định của BLHS gồm có cả phần chung và Điều 93 BLHS có liên quan đến tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, chỉ quyết định hình phạt khi có đủ căn cứ xác định một người đã phạm vào một tội mà Bộ luật hình sự quy định, tức là phải định tội trước rồi mới quyết định hình phạt sau.

• *Thứ 2: Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.*

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đã cho thấy các trường hợp phạm tội diễn ra hết sức đa dạng, phức tạp và không bao giờ giống nhau một cách tuyệt đối, kể cả các trường hợp cùng phạm một tội cụ thể cũng luôn khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó, để quyết định hình phạt đối với mỗi hành vi phạm tội cụ thể, luật bắt buộc Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là yêu cầu có tính chất quyết định đến khả năng đạt được các mục đích của hình phạt. Việc quy định căn cứ này sẽ giúp cho Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc và điều kiện để lựa chọn và quyết định hình phạt với mức độ cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội, đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong quyết định hình phạt. Có như vậy mới đảm bảo được sự bình đẳng, thống nhất, chính xác khi quyết định hình phạt đối với các trường hợp phạm tội khác nhau về cùng một tội hay trong cùng một khung hình phạt.

Quyết định hình phạt là lựa chọn loại hình phạt cụ thể với mức độ nhất định trong phạm vi khung hình phạt của điều luật về tội phạm đã quy định. Việc nhà làm luật xây dựng các khung hình phạt khác nhau trong một điều luật về tội phạm chính là sự phản ánh tương quan với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Còn các mức độ khác nhau của hình phạt trong giới hạn từ tối thiểu đến tối đa của mỗi khung hình phạt lại phản ánh sự tương quan với các mức độ nguy hiểm khác nhau cho xã hội của hành vi phạm tội. Như vậy, tính chất nguy hiểm cho xã hội là cơ sở để xác định khung hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Tác giả cho rằng khi quyết định hình phạt nếu lại căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là chưa khoa học và thiếu công bằng vì một tình tiết đã được sử dụng làm yếu tố định khung hình phạt thì không thể được sử dụng một lần nữa khi quyết định hình phạt. Điều đó không những vi phạm các nguyên tắc của Luật hình sự mà quan trọng hơn còn làm xấu đi tình trạng pháp lý của bị cáo.

- *Thứ 3: Cân nhắc nhân thân người phạm tội*

Nhân thân người phạm tội là một phạm trù lịch sử, bao gồm tổng hợp các đặc điểm về xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh học, nói lên tính chất của con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị quy định trong BLHS là tội phạm. Các đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội một cách công minh, có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội sẽ cho chúng ta biết được những đặc điểm tốt, những đặc điểm xấu, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hình thành nhân cách của người phạm tội để qua đó góp phần đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như khả năng giáo dục, cải tạo họ. Đây là ưu điểm của căn cứ thứ ba này so với căn cứ như nhất và căn cứ thứ hai vì trên cơ sở hai căn cứ đầu tiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội sẽ giúp cho Hội đồng xét xử không chỉ quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà hình phạt đó còn phù hợp với khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội. Chỉ có như vậy mới giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội, đảm bảo cho việc cá thể hoá hình phạt một cách chính xác nhằm đạt được tốt nhất các mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, việc cân nhắc

nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt phải quán triệt các yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

Một là: Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội theo quy định của BLHS là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt hoặc đã được xác định là tình tiết giảm nhẹ hay tình tiết tăng nặng TNHS thì không được sử dụng một lần nữa để cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt.

Hai là: Chỉ những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội có liên quan trực tiếp đến tội phạm được thực hiện mà việc cân nhắc chúng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội và tạo khả năng cao nhất để có thể đạt được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội mới được xem xét khi quyết định hình phạt.

Ba là: Trong mối quan hệ với căn cứ thứ hai, nhân thân người phạm tội chỉ là căn cứ giữ vị trí hỗ trợ, bổ sung để hình phạt được tuyên không những đúng pháp luật mà còn phù hợp với thực tiễn, đảm bảo đạt được các mục đích của hình phạt.

Bốn là: Cần phân định rõ các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội với các dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

- *Thứ tư:* Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS với tính chất là một căn cứ quyết định hình phạt là những tình tiết được quy định trong Phần chung của BLHS, có giá trị làm giảm hoặc tăng mức độ TNHS của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt để tạo tiền đề cho việc cá thể hoá hình phạt đối với người phạm tội được chính xác. Vì vậy, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có ý nghĩa pháp lý hết sức quan trọng trong quyết định hình phạt nhằm đảm bảo cho hình phạt được tuyên một cách công bằng, thể hiện sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội với mức độ TNHS được áp dụng. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là những biểu hiện có tính đặc thù của từng trường hợp phạm tội cụ thể nên mức độ ảnh hưởng của các tình tiết này đến việc quyết định hình phạt phải tùy thuộc vào từng vụ án hình sự cụ thể. Mức độ giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của mỗi tình tiết không được nhà làm luật quy định trước trong luật mà thuộc quyền tùy nghi cân nhắc của Hội đồng xét xử. Vì vậy, khi cân nhắc các tình tiết

giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, cần phải quán triệt các yêu cầu có tính nguyên tắc sau:

- Trong mỗi vụ án hình sự, trước tiên cần xác định tình tiết là yếu tố định tội, tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trước rồi mới xác định tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Những tình tiết đã là yếu tố định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc tình tiết tăng nặng TNHS.

- Trong mỗi vụ án hình sự thường có cả tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng TNHS với những giá trị pháp lý không giống nhau. Điều đó đòi hỏi Hội đồng xét xử phải trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết trong môi liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án để xác định giá trị pháp lý, ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS làm căn cứ quyết định mức hình phạt tương xứng trong phạm vi khung hình phạt.

- Ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS chung được quy định tại khoản 1 Điều 46, Hội đồng xét xử có quyền coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án. Ngược lại, ngoài những tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 điều 48, Hội đồng xét xử không được coi bất kỳ tình tiết nào khác là tình tiết tăng nặng TNHS cho bị cáo.

- Khi bị cáo có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46, Toà án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Ngược lại, dù bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 thì Toà án cũng không được quyết định hình phạt vượt quá giới hạn mức tối đa của khung hình phạt.

Qua phân tích thực tiễn áp dụng các căn cứ QĐHP ở Bình Phước thời gian gần đây cho thấy: Vẫn còn có trường hợp Tòa án cân nhắc không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nên áp dụng tình tiết định khung giảm nhẹ, tăng nặng theo quy định tại các Điều 46, 48 BLHS 1999, có trường hợp áp dụng quy định tại Điều 47 BLHS chưa chính xác. Để làm rõ vấn đề trên, tác giả đã trích dẫn một số vụ án cụ thể thực tiễn tại tỉnh Bình Phước.

Xin dẫn vụ án dưới đây để minh chứng:

Đàm Văn K có mâu thuẫn với anh Nguyễn Văn Tiên, nên khoảng 13 giờ

ngày 16/4/2016 bị cáo K gọi điện thoại rủ bị cáo Tiên đi tìm đánh anh Tiến. Bị cáo Tiên gọi điện thoại rủ bị cáo Điều Cu và bị cáo Hoàng Văn H. Bị cáo Điều Cu tiếp tục rủ bị cáo Điều T giúp bị cáo Tiên đánh anh Tiến. Bị cáo Nguyễn Tiến Đ biết được nên cũng đi theo để giúp bị cáo Tiên đánh nhau. Khi gặp anh Tiến, thì bị cáo K dùng dao gập đâm nhiều nhát vào người Tiến, bị cáo Tiên dùng dao tự chế chém vào tay và lưng của Tiến, bị cáo Đ dùng chai nước ngọt đánh vào người Tiến. Bị cáo Cu, T, H dùng tay chân đánh vào người Tiến dẫn đến tử vong. Xét chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất giữa bị cáo K với người bị hại tại đám cưới đã được căn ngăn, nhưng bị cáo K vẫn gọi điện cho anh trai là bị cáo Tính đi tìm người bị hại để đánh trả thù, bị cáo Tiên nhờ các bị cáo H, T, Cu đi đánh trả thù cho em mình. Các bị cáo Đ, H, T, Cu không có mâu thuẫn gì với người bị hại cũng tham gia đi tìm người bị hại để đánh. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe tính mạng của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Đàm Văn K, Đàm Văn Tiên, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn H, Điều T và Điều Cu đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên xử: Các bị cáo Đàm Văn Tiên, Đàm Văn K, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn H, Điều T và Điều Cu phạm tội: “Giết người” áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Điều T 06(sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2016. [38]

Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại bản án phúc thẩm số 553/2017/HSPT ngày 13/10/2017 của tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Điều T áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, Khoản 3 Điều 7, Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14. Xử phạt bị cáo Điều T: 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2016.

Tác giả xét thấy vai trò của bị cáo Điều T: Khi được bị cáo Điều Cu rủ đi đánh nhau giúp bị cáo Tính thì bị cáo T đồng ý. Khi người bị hại bị K và Tiên đâm, chém bị cáo đã dùng tay đánh vào người bị hại Tiến. Như vậy, bị cáo đã tiếp nhận được ý chí của Tiên, chở bị cáo H đến đánh Nguyễn Văn Tiến, trực tiếp tham gia đánh người bị hại, mặc dù không trực tiếp gây ra thương tích và hậu quả chết người nhưng bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm với bị cáo K và Tiên về tội “Giết người”. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi 3 tháng 7 ngày); Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo mồ côi cha và mẹ từ khi còn nhỏ nên thiếu sự chăm sóc giáo dục của cha mẹ, là người dân tộc thiểu số. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự. Mức án 06 năm tù mà tòa cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là không nặng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Điều T có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo đưa ra tài liệu chứng cứ bị cáo có bác ruột tên Điều Q là liệt sĩ, bà nội của bị cáo tên Điều Thị R là gia đình liệt sĩ cách mạng gương mẫu, bác ruột tên Điều X được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 06/6/2017.

Ngoài ra, bị cáo Điều T là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, bị cáo chưa thành niên bị sự rủ rê của bị cáo Điều Cu. Do đó, cần áp dụng thêm Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Hoặc điển hình vụ án án khác có kháng cáo và hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo:

Ví dụ như vụ án: ngày 22/5/2016, khi Phạm Thanh H đến nhà hàng “TT” tại hồ SL đón Nhi thì gặp Mã Minh Hiền và Mai Xuân Thọ cũng đến để gặp Nhi. Khi Hiền và Nhi cãi nhau, Thọ nhặt đá ném H trúng tay gây thương tích nhẹ thì H bỏ chạy. Hiền chở Nhi và Thọ đi về nhà Hiền. Sau đó, H cùng Nguyễn Trường Ph, Nguyễn Phy Hải, Chu Hoàng Th và Phan Viết T hẹn nhóm của Hiền gặp tại ấp Thôn 1, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để nói chuyện. Khi đi, Ph

lấy con dao Thái Lan đưa H cầm, Th lấy 01 con dao Thái Lan bỏ vào túi quần và lấy thêm một con dao đưa H1 cầm, Ph mượn 01 con dao tự chế dài 76cm. Th nói với tất cả “*Vô đó nói chuyện, nếu tụi nó đánh mình thì mình dùng mã tấu đánh lại*” thì tất cả đồng ý. Khi H hỏi Thọ lý do tại sao ném đá H thì Thọ đứng dậy nói “*Mấy anh lớn mà láo thì Thọ đánh hết*”, sau đó Th dùng dao đâm hai nhát vào lưng Thọ làm Thọ tử vong. Tại bản kết luận giám định pháp Y số 158/2016/GDPY ngày 24/5/2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận nạn nhân Mai Xuân Thọ bị vật sắc nhọn, bản mỏng có 01 lưỡi cắt đâm thủng phổi gây sốc mất máu cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tuyên bố cáo bị cáo Phạm Thanh H, Chu Hoàng Th, Nguyễn Trường Ph, Nguyễn Phy Hải và Phan Viết T phạm tội “Giết người” áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Hoàng Th 18 (mười tám) năm tù, bị cáo Phạm Thanh H 17 (mười bảy) năm tù, bị cáo Nguyễn Trường Ph 16 (mười sáu) năm tù; bị cáo Nguyễn Phy Hải 13 (mười ba) năm tù, bị cáo Phan Viết T 12 (mười hai) năm tù. [38].

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2017 đại diện hợp pháp của người bị hại – ông Mai Xuân Thi kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thanh H, Chu Hoàng Th và xin giảm án đối với các bị cáo khác.

Tại bản án phúc thẩm số 614/2017/HS-PT Ngày 23 tháng 11 năm 2017 của tòa án nhân dân cấp cao Thành Phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận kháng cáo của ông Mai Xuân Thi là đại diện hợp pháp của người bị hại, sửa một phần bản án sơ thẩm Tuyên bố cáo bị cáo Phạm Thanh H, Chu Hoàng Th, Nguyễn Trường Ph, Nguyễn Phy Hải và Phan Viết T phạm tội “Giết người” áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 93; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H 19 (mười chín) năm tù; Áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: 1/ Bị cáo Chu Hoàng Th 19 (mười chín) năm tù; 2/ Bị cáo Nguyễn Trường Ph 16 (mười sáu) năm tù; 3/ Bị cáo Nguyễn Phy Hải 13 (mười ba) năm tù; 4/ Bị cáo Phan Viết T 12 (mười

hai) năm tù. [38]

Việc kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với hai bị cáo H và Th của ông Mai Xuân Thi là có căn cứ: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo các tình tiết thành khẩn khai báo (trừ bị cáo H), tỏ ra ăn năn hối cải, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình các bị cáo đã khắc phục cho gia đình người bị hại tổng số tiền 90.000.000 đồng, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo H và Th trong gia đình có người thân là người có công cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Từ đó, xử phạt bị cáo Ph 16 năm tù, Hải 13 năm tù, T 12 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo H là người rủ rê, khởi xướng tập hợp các đồng phạm khác, bị cáo Th là tên đồng phạm tích cực thực hiện với vai trò người thực hành, thủ ác. Do vậy, hai bị cáo phải chịu mức hình phạt ngang nhau và ở mức nghiêm khắc hơn mới phù hợp với tình chất, mức độ và vai trò của hai bị cáo trong vụ án. Vì vậy, bản án phúc thẩm có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Mai Xuân Thi, cần sửa một phần bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm áp dụng Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng tại cấp phúc thẩm cho rằng việc áp dụng Điều 52 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp nên cần rút kinh nghiệm.

Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do đánh giá khác nhau về tính nguy hiểm xã hội của hành vi phạm tội, bên cạnh đó là quy định chênh lệch quá nhiều giữa mức cao nhất và thấp nhất của khung hình phạt tạo điều kiện tùy nguy của người áp dụng pháp luật.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót

- Nguyên nhân khách quan

Hệ thống pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng đối với các tội giết người nói riêng còn chưa đáp ứng được trong từng trường hợp cụ thể.

Về phía địa phương, các vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước phải giải quyết ngày càng phức tạp; trong khi kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử của

các cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế.

Đội ngũ cán bộ công chức tuy đã được tăng cường nhưng còn thiếu so với khối lượng công việc phải giải quyết. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc còn nhiều khó khăn cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả công tác. Công tác phối hợp của một số cơ quan, ban ngành liên quan có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ cũng làm cho việc giải quyết vụ án phải kéo dài.

- Nguyên nhân chủ quan:

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của một số ít cán bộ, thẩm phán còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Đồng thời, một số ít cán bộ công chức còn thiếu ý thức phấn đấu tự học tập, rèn luyện tư cách, phẩm chất đạo đức, kỷ luật, chưa tâm huyết với nghề nên hiệu quả công tác chưa cao.

Kết luận Chương 2

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy rằng, vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt về tội giết người có ý nghĩa hết sức to lớn cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Để có được những quyết định chính xác và đúng pháp luật khi tiến hành định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người đòi hỏi người áp dụng pháp luật phải nhận thức đúng đắn về mặt lý luận của việc định tội danh và quyết định hình phạt. Thực tiễn trong những năm qua hoạt động xét xử các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe nói chung và tội giết người nói riêng của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn còn bộc lộ những sai sót, hạn chế khi quyết định hình phạt. Chính vì vậy, cần phải kịp thời khắc phục những sai sót, hạn chế đó nhằm giải quyết các vụ án một cách có hiệu quả cao nhất đáp ứng được những yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm giết người nói riêng.

Chương 3

ĐIỀU KIỆN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI

3.1. Điều kiện đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người

3.1.1. *Chất lượng của hệ thống pháp luật hình sự, nhất là quy định của pháp luật hình sự về tội giết người.*

Chất lượng của hệ thống pháp luật hình sự, trong đó có quy phạm pháp luật hình sự quy định tội danh giết người và hình phạt đối với tội phạm này là cơ sở đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt một cách đúng đắn, chính xác. Cũng trên cơ sở hệ thống pháp luật hình sự có chất lượng, hoàn chỉnh, người định tội danh và quyết định hình phạt phát huy khả năng chuyên môn của mình. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội giết người là yếu tố quan trọng giải quyết các mâu thuẫn hiện tại về mặt pháp lý đối với các vấn đề về như: định tội danh, khung hình phạt... của tội giết người. Tuy nhiên, khó có thể nói đến chất lượng hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật hình sự còn chưa hoàn thiện, còn chông chéo, mâu thuẫn, không phù hợp với thực tiễn. Trong khi đó, BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), ngoài những mặt tích cực còn có những hạn chế bất cập như: “hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng”, “trẻ em”, “chết nhiều người”, nay BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đã quy định chi tiết hơn từ “nhiều người” thành “02 người trở lên”, “trẻ em” thành người đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi..... Song, quy định trong BLHS 2015 có cụ thể, chi tiết hơn ở một số điều khoản, nhưng cũng còn một số điều khoản luật mang tính khái quát cao, chưa chặt chẽ hay mang tính rất khó xác định như “tinh thần bị kích động mạnh”, “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”.... Mặc dù đã có văn bản hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, rõ ràng, chính xác.

Chẳng hạn, Nghị quyết 04/HĐTP ngày 29/6/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuy đã có hướng dẫn về một số tình tiết như giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số định khung tăng nặng như:

có tính chất côn đồ, để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác...nhưng do hướng dẫn vẫn chưa cụ thể nên trong quá trình vận dụng có nhiều cách hiểu khác nhau.

Các quy định của phần chung BLHS về hình phạt cũng còn nhiều bất cập, hạn chế: đối với một số hình phạt BLHS không quy định rõ, cụ thể, điều kiện áp dụng, một số hình phạt mang tính hiệu quả không cao, tác dụng giáo dục, cải tạo còn hạn chế vì thế ít được áp dụng trên thực tế...

Các quy định về khung hình phạt trong BLHS 2015, đã sửa đổi, bổ sung đáng kể như: Tại điều 123 BLHS 2015, bổ sung thêm khoản 3: Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Việc bổ sung thêm khoản này của điều luật là phù hợp.

Điều 124 BLHS 2015 quy định: Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ cho phù hợp với điều luật, trong khi đó theo điều 94 của BLHS 1999 quy định tội danh này có tên là “giết con mới đẻ”, bởi trong cấu thành cơ bản lại quy định 02 hành vi khác nhau là giết con mới đẻ và vứt bỏ con mới đẻ. Vì vậy, việc sửa đổi tên tội danh của điều luật này là phù hợp.

Do vậy, để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh và quyết định hình phạt phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, để hệ thống có tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất với kỹ thuật lập pháp cao, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

3.1.2. Sự tồn tại đầy đủ của các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người và các tội phạm có liên quan:

Đối với BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, tuy chưa được áp dụng nhiều, nhưng còn nhiều quy phạm pháp luật có tính khái quát cao, chưa rõ ràng, cụ thể...Những quy phạm này chỉ có thể áp dụng đúng đắn, thống nhất trong thực tiễn xét xử khi được hướng dẫn cụ thể, chi tiết. Bởi, việc tồn tại đầy đủ các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định pháp luật hình sự về tội phạm và về quyết định hình phạt trong đó có tội giết người là một trong những điều kiện quan trọng để đảm bảo áp dụng đúng trong thực tiễn và định tội danh và quyết định hình phạt.

3.1.3. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của chủ thể áp dụng pháp luật hình sự

Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chủ thể áp dụng pháp luật hình sự cũng là một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo cho việc định tội danh và quyết định hình phạt được đúng đắn. Đây là điều kiện có tính chất nền tảng mà chủ thể định tội danh và quyết định hình phạt phải có, bởi nó đảm bảo chủ thể áp dụng pháp luật hình sự khi định tội danh và quyết định hình phạt có đủ sự tự tin cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

Thực tế, cho thấy việc áp dụng pháp luật hình sự cho thấy, năng lực chuyên môn là nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt. Người định tội danh và quyết định hình phạt nếu không có chuyên môn vững vàng thì khó có thể làm tốt trong công tác chuyên môn, mặc dù người đó có đạo đức, tinh thần nhiệt huyết trong công tác. Đối với người định tội danh và quyết định hình phạt thì họ khó có thể là người độc lập, có chính kiến riêng nên không thể thực hiện theo nguyên tắc “Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân hoàn toàn độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

Bên cạnh chuyên môn, người định tội danh và quyết định hình phạt cần có đạo đức nghề nghiệp, đây là yếu tố quan trọng để người định tội danh và ra quyết định hình phạt một cách công tâm và đúng đắn nhất. Hai điều kiện: chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp này luôn bổ sung và hỗ trợ cho nhau giúp người định tội danh và quyết định hình phạt đúng đắn nhất.

- Tiếp tục kiện toàn về tổ chức, tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh; có lộ trình từng bước để bổ sung đội ngũ cán bộ công an, kiểm sát viên, Thẩm phán đủ về số lượng, cao về chất lượng.

3.1.4. Những điều kiện vật chất – kỹ thuật, công nghệ cần thiết đảm bảo cho hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt

Thực tế cho thấy, việc áp dụng hình phạt hình sự trong đó có định tội danh và quyết định hình phạt đòi hỏi phải chi phí khác lớn về mặt tài chính công sức và những trang thiết bị vật chất- kỹ thuật, công nghệ nhất định. Cho nên kinh phí, trang thiết bị khoa học – kỹ thuật, công nghệ cho hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nói chung, hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt nói riêng là một trong những điều kiện cần thiết không kém phần quan trọng để việc định tội danh và quyết

định hình phạt đạt được chất lượng, hiệu quả như mong muốn.

Ngoài ra, đời sống vật chất và tinh thần của những người trực tiếp áp dụng pháp luật hình sự cũng như gia đình họ cũng ảnh hưởng đến hoạt động tổ chức thi hành và áp dụng pháp luật hình sự. Khi có điều kiện sống sinh hoạt và làm việc được đảm bảo thì những người cán bộ có thẩm quyền định tội danh và quyết định hình phạt sẽ tận tâm và dồn hết thời gian, sức lực, trí tuệ vào công việc, không bị mua chuộc về vật chất, giữ vững được thái độ vô tư khách quan trong công việc, nhất là trong định tội danh và quyết định hình phạt.

3.2. Các giải pháp đảm bảo định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người

3.2.1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), pháp luật tố tụng hình sự tạo cơ sở pháp lý cho việc định tội danh và quyết định hình phạt về tội giết người

Đối với BLHS 2015, mới áp dụng từ ngày 01/1/2018, nên việc áp dụng thực tiễn đối với BLHS 2015 thì chưa nhiều để đưa ra giải pháp về định tội danh và quyết định hình phạt đối với BLHS 2015. Tuy nhiên, thông qua thực tiễn áp dụng pháp luật về tội giết người trên địa bàn Tỉnh Bình Phước và việc nghiên cứu quy định về tội giết người theo Điều 93 BLHS 1999, Điều 123 BLHS 2015 thấy còn nhiều quy định chưa cụ thể nhưng hiện không có văn bản hướng dẫn nên nhiều cách hiểu khác nhau trong hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người dẫn đến quan điểm định tội danh và quyết định hình phạt giữa các cơ quan tố tụng có sự khác nhau trong hoạt động áp dụng pháp luật. Vì thế, tác giả kiến nghị các cơ quan liên ngành tố tụng trung ương, hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sớm có các văn bản hướng dẫn về các dấu hiệu pháp lý để phân biệt tội giết người với các tội giáp ranh khác như giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích cho người khác gây hậu quả chết người::

- Đưa ra định nghĩa về tội giết người: Để xác định một hành vi có cấu thành tội giết người hay không trước hết phải dựa vào định nghĩa tội giết người. Đây là cơ sở để phân biệt tội giết người với các trường hợp không phải là tội phạm hoặc tội

phạm giáp ranh.

- Đề nghị liên ngành tổ tụng trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn có tính khái quát để phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người theo hướng: Nếu lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người là lỗi cố ý thì định tội giết người. Ngược lại là lỗi vô ý thì định tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người. Muốn xác định lỗi thì phải làm sáng tỏ hai vấn đề: người phạm tội có thấy trước hậu quả chết người hay không? Nếu thấy trước thì họ mong muốn, chấp nhận hay loại trừ khả năng hậu quả xảy ra? Nếu vấn đề thứ nhất được xác định là không thì có thể loại trừ ngay khả năng lỗi cố ý giết người và ngược lại.

Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/6/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuy đã có hướng dẫn về một số tình tiết như giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người như “giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”, tình tiết “có tính chất côn đồ”, “để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác” nhưng do hướng dẫn vẫn chưa cụ thể nên trong quá trình vận dụng vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau như đã phân tích ở trên. Vậy nên cần có hướng dẫn cụ thể hơn về các tình tiết này.

3.2.2. Khẩn trương ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội giết người.

Để hướng dẫn các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự áp dụng thống nhất đối với tội giết người để người áp dụng pháp luật thực hiện một cách đúng đắn và khách quan nhất. Tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

- *Thứ nhất:* Cần bổ sung các văn bản hướng dẫn để phân biệt giữa tội danh giết người với các tội phạm giáp ranh khác như: Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người...

- *Thứ hai:* Cần có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người như: “Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác, có tính chất côn đồ, giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm

tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng..”.

- *Thứ ba:* Cần đưa giải pháp án lệ vào thực tiễn đối với tội giết người. Ở Việt Nam tuy đã từng bước đi vào thực tiễn nhưng số án lệ được công bố chưa nhiều và việc áp dụng cũng chưa phổ biến, đòi hỏi phải có giải pháp phát triển án lệ nhằm hạn chế việc “lách luật” do tiêu cực của các bên liên quan trong các vụ việc.

- *Thứ tư:* Cần tập huấn các chính sách hình sự mới về tội giết người để có cơ sở pháp lý vững chắc trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả và đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội đối với các tội giết người.

- *Thứ năm:* Cần nhận thức đúng đắn về các vấn đề pháp lý hình sự đối với các tội giết người một cách thấu đáo và khách quan.

3.2.3. *Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng pháp luật hình sự đặc biệt đó là: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên.*

Để đảm bảo chất lượng hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt cần phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm công tác, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền, mà trước hết là thẩm phán, hội thẩm và những người tiến hành tố tụng khác theo hướng:

- Xây dựng đội ngũ thẩm phán chính quy, có tư tưởng chính trị vững vàng, đạo đức lối sống trong sáng; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu công tác đặt ra. Việc xây dựng đội ngũ thẩm phán phải đảm bảo tiêu chí đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, nghĩa là có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết trong mọi tình huống, nhất là trong xu thế hội nhập hiện nay. Để có được điều này cần phải thường xuyên lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao đội ngũ thẩm phán và hơn thế nữa là đào tạo thẩm phán theo hướng chuyên sâu có khả năng, kỹ thuật xét xử từng loại án. Kiến thức bồi dưỡng không chỉ có kiến thức về pháp luật mà còn có kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại ngữ, tin học để có năng lực toàn diện, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, còn phải chú ý bồi dưỡng lý luận chính trị, đạo đức công vụ cho đội ngũ thẩm phán.

- Đối với đội ngũ hội thẩm, Ngành tòa án cần có kế hoạch bồi dưỡng, nâng

cao trình độ pháp luật cho đội ngũ này. Vì khi hội thẩm am hiểu về pháp luật, nhất là pháp luật hình sự thì trong quá trình giải quyết các vụ án giết người, hội thẩm sẽ không lúng túng và ra những phán quyết khách quan, khoa học. Mặt khác, cần quy định rõ ràng về tiêu chuẩn lựa chọn hội thẩm, vì điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xét xử.

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người.

Để đảm bảo cho việc áp dụng định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người được đúng người, đúng tội và đúng pháp luật thì Viện kiểm sát phải tăng cường chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm sát xét xử các vụ án giết người. Nội dung kiểm sát cần tập trung vào việc chuẩn bị xét xử của tòa án, việc chấp hành các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, nhất là thủ tục tranh tụng. Quá trình kiểm sát chú ý phát hiện những vi phạm trong việc áp dụng pháp luật hình sự, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội giết người để báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh quyết định kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu sửa chữa.

Trên cơ sở đó, cần thường xuyên sơ kết, tổng kết kinh nghiệm định tội danh và quyết định hình phạt đối với các tội giết người, trên cơ sở rút ra những mặt tích cực cần phát huy và hạn chế, thiếu sót để có giải pháp khắc phục kịp thời. Có như vậy thì hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người sẽ đảm bảo đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, hạn chế được tình trạng oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

3.2.5. Nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự về tội giết người

Tiếp tục nâng cao chất lượng xét xử tất cả các loại án theo tinh thần Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị. Chấp hành và tuân thủ triệt để các nguyên tắc và quy định của luật tố tụng. Nâng cao trách nhiệm trong việc nghiên cứu các hồ sơ hình sự. Thực hiện mọi phán quyết của Tòa án chỉ được quyết định thông qua việc thẩm tra chứng cứ và tranh luận công khai tại phiên tòa, xét xử theo nguyên tắc tranh tụng khách quan vô tư, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Trong việc phán quyết của tòa án về tội danh, về hình phạt phải căn cứ chủ

yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phải đảm bảo về bản án, quyết định của tòa là hiện thân của công lý, công bằng xã hội. Như vậy, vấn đề đặt ra là để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự về các tội giết người. Người viết cho rằng cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề: tranh tụng phải đưa lên thành một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xét xử và những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng hình sự phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc này tại phiên tòa. Đồng thời, Hội đồng xét xử cần phát huy vai trò trọng tài phán quyết của vụ án; nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa giữa kiểm sát viên, luật sư, đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo, người bị hại....Làm tốt những vấn đề trên sẽ nâng cao chất lượng định tội danh cũng như quyết định hình phạt đối với tội giết người trong thực tiễn xét xử.

3.2.6. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật, Phương tiện công tác phục vụ hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt của tòa án

Theo Nghị quyết 08/2002/NQ – TW của Bộ Chính trị khẳng định: “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp” [1;13]. Với ý nghĩa đó, việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật, phương tiện, công tác phục vụ hoạt động xét xử nói chung, định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người nói riêng chỉ là yếu tố hình thức, nó không có ý nghĩa trong việc giải quyết nội dung vụ án. Tuy nhiên, nó được coi là phương tiện hỗ trợ cho quá trình tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

3.2.7. Các giải pháp khác:

➤ Biện pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội giết người

Trong những năm tới, tình hình tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước dự báo còn diễn biến phức tạp. Điều đó đặt ra yêu cầu phải nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác điều tra tội phạm. Để làm được điều này, tác giả đưa ra một số kiến nghị. Cụ thể:

- *Về nghiệp vụ:* Cần nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ; Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và điều tra

hành sự theo pháp luật tố tụng; Cần sử dụng tốt các biện pháp trinh sát kỹ thuật;

- *Về quan hệ phối hợp*: Cần có sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ; Phối hợp với các đơn vị viễn thông để nắm được thông tin liên lạc của đối tượng.

- *Về công tác tổ chức*: Tiếp tục củng cố, kiện toàn lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm; Làm tốt chế độ chính sách, động viên kịp thời cán bộ chiến sĩ, gia đình họ, đồng thời kiên quyết ngăn chặn kịp thời những biểu hiện sai phạm; Đảm bảo kinh phí, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động điều tra tội phạm; Nâng cao chất lượng công tác giám định.

➤ **. Biện pháp nâng cao hiệu quả truy tố tội giết người**

Để khắc phục những hạn chế, phát huy hơn nữa những điểm tốt, trong thời gian tới Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh cần phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ. Một trong số các biện pháp đó là:

- *Đối với công tác nghiệp vụ*: Tăng cường hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và giải quyết đơn liên quan đến giết người; Kiểm sát viên phải bám sát tiến độ điều tra, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót để đề ra các yêu cầu điều tra; Đối với công tác kiểm sát điều tra cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa kiểm sát điều tra, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam; Trước khi diễn ra phiên tòa, Kiểm sát viên cần phải chuẩn bị kỹ tài liệu để bảo vệ thành công cáo trạng của mình

- *Về quan hệ phối hợp hoạt động*: Chú trọng giải quyết kịp thời, nghiêm minh các vụ án giết người thuộc thẩm quyền, sớm ra quyết định phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra; Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên luôn phối hợp cùng Điều tra viên giải quyết vướng mắc, tham gia hỏi cung trong trường hợp cần thiết; Đối với những vụ lớn, phức tạp, án điểm, Kiểm sát viên chủ động đề xuất hợp liên ngành làm án để bàn biện pháp phối hợp nhằm tập trung sự thống nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ;

+ Trường hợp cần bổ sung tài liệu thì Kiểm sát viên chủ động thu thập hoặc trao đổi với Điều tra viên để hoàn thiện hồ sơ trước khi chuyển sang Tòa án;

+ Đối với những vụ án do cấp trên quyết định chuyển vụ án hình sự để xét xử, Kiểm sát viên nơi được ủy quyền phải thường xuyên liên hệ với Kiểm sát viên cấp ủy

quyền; trường hợp phát hiện cáo trạng cũng như tài liệu trong hồ sơ có sai sót cần trao đổi với Kiểm sát viên thụ lý kiểm sát điều tra ra văn bản đính chính.

- *Về công tác tổ chức:* Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ lẫn phẩm chất đạo đức của Kiểm sát viên; Trong thời gian tới cần tăng số lượng Kiểm sát viên gắn liền với yêu cầu trình độ, nghiệp vụ; Sớm ban hành văn bản quy định việc hưởng chế độ đặc thù cho Kiểm sát viên làm án giết người.

➤ ***Biện pháp nâng cao hiệu quả công tác xét xử tội giết người***

Trong xét xử các vụ án về tội giết người trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, tác giả đề ra một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm này như sau:

- *Trong công tác nghiệp vụ:* Tăng cường tổ chức xét xử lưu động các vụ án giết người gắn liền với nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục qua phiên tòa; Đối với những vụ án chọn làm án điểm, vụ án lớn, phức tạp cần phân công những thẩm phán có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm khi xét xử; Cần tiếp tục tăng cường công tác giám đốc xét xử các vụ án giết người

- *Giải pháp về quan hệ phối hợp hoạt động:*

+ Tòa án chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn một số vụ án điểm về giết người để đưa ra xét xử lưu động tại các địa bàn được coi là điểm “nóng” về tội phạm này.

+ Đồng thời Tòa án cần phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền kết quả xét xử các vụ án về tội giết người nhằm nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống trong nhân dân

+ Thẩm phán được phân công xét xử vụ án phải với Kiểm sát viên thụ lý án để trao đổi những vướng mắc, Trong trường hợp có vướng mắc không giải quyết được mới tranh thủ ý kiến của ngành dọc cấp trên trước khi đưa vụ án ra xét xử.

+ Khi đã có quyết định chuyển vụ án hình sự ra xét xử sơ thẩm, chủ động bàn bạc với Kiểm sát viên, lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp về kế hoạch dẫn giải bị cáo, kế hoạch bảo vệ phiên tòa..

+ Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và các

cơ quan chức năng trong giải quyết án giết người, cần Ban hành Thông tư liên tịch giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

- *Trong công tác tổ chức:*

- + Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán Thẩm phán, Hội thẩm;
- + Nhà nước cần có sự quan tâm đúng mức về biên chế, tổ chức cán bộ, chế độ đãi ngộ đúng mức để cho họ có thể vô tư trong xét xử;
- + Nâng mức thù lao cho Hội thẩm, cơ quan nơi công tác của Hội thẩm nhân dân tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử;
- + Phải có các cơ chế để kiểm tra, giám sát hoạt động xét xử;

Kết luận Chương 3

Từ những kết quả nghiên cứu thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt về tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 – 2017, tác giả đã đưa ra các biện pháp đảm bảo áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội giết người trên cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng. Trên đây là những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc áp dụng pháp luật hình sự trong việc giải quyết các vụ án giết người. Chất lượng và hiệu quả của việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người bị chi phối nhiều yếu tố. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, chính xác và hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử.

KẾT LUẬN

Giết người là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trước khi có BLHS thì tội danh này đã được quy định rất sớm trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội giết người, chúng ta có thể thấy quy định về các tội giết người ngày càng hoàn thiện. BLHS năm 1999 hiện hành đã được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm lập pháp của cha ông ta. Nó vừa mang tính sáng tạo, đổi mới phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước vừa giữ được những bản sắc văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục phù hợp với truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Có thể nói quy định về tội giết người trong hệ thống pháp luật Việt Nam từ trước đến nay cơ bản luôn theo kịp và thích ứng với điều kiện hoàn cảnh của đất nước ta trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước ta đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Quyền con người mà nhất là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng luôn được Hiến pháp và pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tội phạm giết người có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tác động rất lớn đến tâm lý của nhân dân và tâm trạng xã hội.

Do đó, việc xử lý triệt để, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với tội phạm này là điều rất cần thiết. Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Phước đã phấn đấu, nỗ lực giải quyết tốt các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn trong đó có các vụ án hình sự về tội giết người. Điều này đã góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên qua thực tiễn định tội danh và QĐHP trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian qua vẫn còn xảy ra những sai sót nhất định. Những sai sót này đã ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các vụ án hình sự và các vụ án về tội giết người nói riêng. Trong đó có những sai sót mang tính khách quan do CTTP của các tội giết người có những đặc gần giống với các tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe

khác, nhưng chưa có một văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để phân biệt, nên quá trình điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn có những quan điểm khác nhau về định tội danh.

Do vậy, việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội giết người để nhận diện và phân biệt với các tội giáp ranh khác, nghiên cứu những quy định của pháp luật hình sự về tội giết người cũng như việc áp dụng nó vào thực tiễn là rất cần thiết. Từ đó tìm ra những hạn chế, thiếu sót, những vướng mắc bất cập cần khắc phục trong quá trình ADPL để đề ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tội giết người và những tội phạm có liên quan. Góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng và cả nước nói chung.

Trong chương 1 và chương 2 của luận văn, tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người từ thực tiễn tỉnh Bình Phước.

Trong chương 3 của luận văn, tác giả đã đưa ra các giải pháp đảm bảo về việc áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội giết người cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, chúng tôi đã có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng khả năng và điều kiện nghiên cứu có hạn nên chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các thầy, cô, các nhà khoa học, những người có kinh nghiệm thực tiễn để luận văn được hoàn thiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính Trị (2002), *Nghị quyết 08/2002/NQ – TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính Trị về một số trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội.*
2. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
3. Lê Cẩm (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
4. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (1976), *Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/03/1976 quy định các tội phạm và hình phạt*;
5. Nguyễn Chí Công (2016), *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sĩ luật học; Học viện Khoa học xã Hội;
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội;
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
8. Thái Huy Đức(2015), *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học; Học viện Khoa học xã Hội;
9. Đỗ Đức Hồng Hà (2014), *Hỏi -Đáp pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành*, Nxb Tư pháp;
10. Đỗ Đức Hồng Hà (2014), *Hỏi - Đáp pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp;
11. Đỗ Thanh Huyền (2007), *Bàn về phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 8), tr23-29;
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm* , Nxb Tư pháp, Hà Nội;
13. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao(2006), *Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006*, Hà Nội;
14. Trần Thị Liên (2016), *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ luật học; Học viện Khoa học xã Hội;
15. Vũ Thành Long (2006), *Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chuyên nghiệp*, Tạp chí tòa án nhân dân; (số 20), tr. 30-32. 24
16. Nguyễn Lộc (2015), *Đấu tranh, phòng chống tội giết người trên địa bàn Tỉnh*

- Đã Lắc* Luận văn thạc sĩ luật học; Khoa Luật, Đại Học Quốc Gia Hà Nội;
17. Nguyễn Đình Lộc (2000), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 và nhiệm vụ thể chế hóa về mặt nhà nước chính sách hình sự của Đảng trong thời kỳ đổi mới*, Tài liệu Hội nghị Tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội;
 18. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
 19. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
 20. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
 21. Quốc hội (2004), *Luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em*, Hà Nội
 22. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội;
 23. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
 24. Quốc hội (2016), *Luật trẻ em*, Hà Nội
 25. Quốc hội (1976), *Nghị quyết ngày 02/7/1976*, Quốc hội khóa VI;
 26. Quốc hội (2009), *Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 về việc thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
 27. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự*, Hà Nội;
 28. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội;
 29. Nguyễn Trung Thành (2002), *Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng, chống*, Luận án tiến sĩ luật học; Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật;
 30. Bùi Quang Thạch (2000), *Bàn về số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được bổ sung ở khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999*, Tạp chí Kiểm sát (Số 4), tr 21-35.
 31. Trần Quang Tiệp (2013), *Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
 32. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1, Hà Nội;
 33. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy*

- định của Bộ luật hình sự, Hà Nội;*
34. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, Hà Nội;*
 35. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, Hà Nội;*
 36. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Công văn số 105/TANDTC-KHXX ngày 17/7/2009 về việc thi hành khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 của Quốc hội, Hà Nội;*
 37. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2013 – 2017), *Bản án hình sự sơ thẩm các vụ án giết người từ năm 2013-2017;*
 38. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
 39. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
 40. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
 41. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
 42. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp Hà Nội.
 43. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
 44. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
 45. Tòa án nhân dân tối cao, công bố bản án, quyết định của tòa án. <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>, cập nhật ngày 15.01.2018.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Tình hình xét xử tội giết người giai đoạn 2013-2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Năm	Tổng số vụ án đưa ra xét xử	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử	Tổng số vụ án đưa ra xét xử theo Điều 93	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử theo Điều 93	Tỷ lệ % (III) và (I)	Tỷ lệ % (IV) và (II)
	(I)	(II)	(III)	(IV)		
2013	1.131	2.453	46	83	4.07%	3.38%
2014	1.119	2.198	27	36	2.41%	10.73%
2015	994	1760	21	64	2.11%	3.63%
2016	908	1.506	33	54	3.63%	3.59%
2017	1.118	1881	36	60	3.22%	3.19%
Tổng	5.270	9.798	163	297	15.44%	24.52%

Nguồn: Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Phước

Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử sơ thẩm các vụ án và bị cáo bị về tội giết người so với các tội phạm về xâm phạm tính mạng sức khỏe giai đoạn 2013- 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Năm	Các tội về xâm hại tính mạng và sức khỏe (I)		Tội giết người Điều 93 BLHS(II)		Tỉ lệ %(II) so với (I)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị Cáo
2013	297	589	46	83	15,4%	14,0%
2014	221	448	27	36	12,2%	8.0%
2015	221	371	21	64	9,5%	17,2%
2016	189	294	33	54	17,4%	18.3%
2017	195	345	36	60	18.4%	17.3%
Tổng	1.123	2.047	163	297	72.9%	74.8 %

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử về tội giết người giai đoạn 2013-2017

Năm	Số vụ phải xét xử		Số đã xét xử		Số trả lại viện kiểm Sát	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2013	46	83	40	70	6	13
2014	27	36	25	33	2	3
2015	21	64	21	64	0	0
2016	33	54	29	48	4	6
2017	36	60	35	59	1	1
Tổng	163	297	150	274	13	23

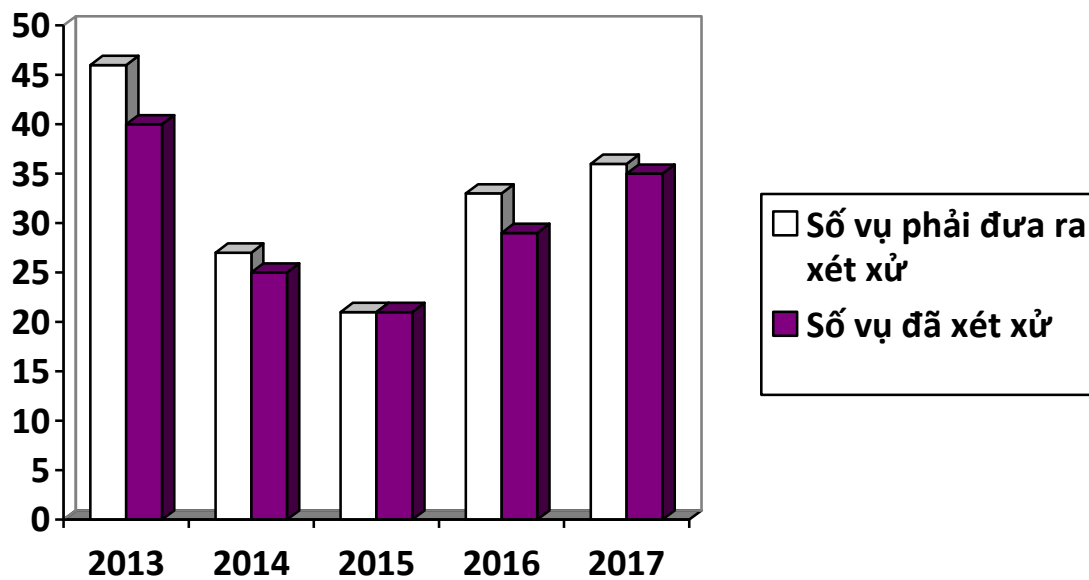
Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Bảng 2.4. Tổng số vụ án, bị cáo tội giết người Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử có kháng cáo, kháng nghị giai đoạn 2013 - 2017

Năm	Tổng số vụ án, bị cáo giết người	Số vụ án, bị cáo có kháng cáo, kháng nghị	Kết quả giải quyết		
			Y án	Sửa án	Hủy án
2013	46 vụ - 83 bị cáo	36 vụ - 52 bị cáo	34 vụ - 48 bị cáo	1 vụ - 2 bị cáo	01 vụ - 02 bị cáo
2014	27 vụ - 36 bị cáo	20 vụ - 20 bị cáo	18 vụ - 18 bị cáo	1 vụ - 01 bị cáo	01 vụ - 01 bị cáo
2015	21 vụ - 64 bị cáo	10 vụ - 34 bị cáo	08 vụ - 30 bị cáo	2 vụ - 4 bị cáo	
2016	33 vụ - 54 bị cáo	08 vụ - 23 bị cáo	05 vụ - 17 bị cáo	2 vụ - 4 bị cáo	01 vụ - 02 bị cáo
2017	36 vụ - 60 bị cáo	20 vụ - 44 bị cáo	17 vụ - 38 bị cáo	3 vụ - 6 bị cáo	
Tổng	163 vụ - 297 bị cáo	94 vụ - 173 bị cáo	82 vụ - 151 bị cáo	9 vụ - 17 bị cáo	3 vụ - 5 bị cáo

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Biểu 2.1: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử về tội giết người giai đoạn 2013-2017



Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước